BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 39/2026
Từ 05/10 - 09/10/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

CỤ THỂ HÓA MỘT BƯỚC QUAN TRỌNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

Hội nghị lần thứ Tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã hoàn thành chương trình đề ra, thông qua các nghị quyết, quy định, đề án, những nội dung thuộc thẩm quyền, Nghị quyết Hội nghị và bế mạc vào chiều 08/10/2026.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu bế mạc Hội nghị - Ảnh: chinhphu.vn/Nhật Bắc

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phát biểu bế mạc Hội nghị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cho biết, tiếp nối những quyết sách từ đầu nhiệm kỳ, Hội nghị lần này đã cụ thể hóa một bước quan trọng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, gắn xây dựng Đảng với quản trị quốc gia và phát triển đất nước. Các quyết sách nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, thực thi, quy tụ sức mạnh toàn dân tộc. Giá trị của Hội nghị thể hiện qua những vấn đề được giải quyết, chuyển biến trong đời sống nhân dân.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nhấn mạnh 5 kết quả chủ yếu của Hội nghị.

Nắm bắt thời cơ, quy tụ sức mạnh toàn dân tộc

Theo đó, ***thứ nhất,*** Trung ương đã thống nhất định hướng nghiên cứu những vấn đề nền tảng của Đảng và con đường phát triển lâu dài của đất nước.

Trung ương thông qua các đề cương tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, định hướng lãnh đạo phát triển đất nước 100 năm tiếp theo; tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Đây là cơ sở để tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và hoàn thiện nền tảng tổ chức của Đảng.

Trung ương khẳng định tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát triển lý luận từ thực tiễn Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc thành tựu tiến bộ của nhân loại. Tổng kết phải làm rõ bài học về lựa chọn đường lối, nắm bắt thời cơ, quy tụ sức mạnh toàn dân tộc và tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tự hoàn thiện của Đảng; lý giải cả thành công và hạn chế. Tổng kết phải cung cấp căn cứ lý luận cho quyết sách sắp tới, nhận diện vấn đề mới cần nghiên cứu, giải quyết. Tầm nhìn 2030–2130 đòi hỏi chuẩn bị năng lực, điều kiện phát triển lâu dài, có trách nhiệm đối với các thế hệ sau của đất nước.

Thứ hai, Trung ương đã quyết định những chủ trương mới về nâng cao năng lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn của Đảng và hệ thống chính trị.

Trung ương thông qua Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Trung ương khẳng định kết quả đạt được, chỉ rõ hạn chế trong tự kiểm tra, sửa chữa khuyết điểm, kiểm soát quyền lực và thực hiện trách nhiệm. Xây dựng Đảng phải toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao sức chiến đấu, trách nhiệm nêu gương và ý thức phục vụ nhân dân. Sự trong sạch, vững mạnh phải thể hiện ở kết quả công việc, sự liêm chính của cán bộ và niềm tin của nhân dân.

Trung ương thông qua Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, phù hợp mô hình tổ chức mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện thống nhất, đúng thẩm quyền, quy trình trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. Kỷ luật phải nghiêm minh, công tâm.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu rõ, Nghị quyết và Quy định mới phải củng cố sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân. Cấp ủy phải tự kiểm tra từ phản ánh của nhân dân, bảo vệ người góp ý ngay thẳng. Lắng nghe phải đi liền với trả lời, giải quyết; vấn đề chưa thể tiếp thu thì phải giải thích rõ. Phải kiểm tra việc thực hiện cam kết với nhân dân, xem xét những bất cập được chỉ ra để sửa cách làm, hoàn thiện chính sách.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Thứ ba, Trung ương xác định yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền, bảo đảm hệ thống chính trị vận hành thống nhất, hiệu quả.

Trung ương thông qua Nghị quyết mới về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Sự lãnh đạo toàn diện phải phát huy chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan, thực hiện thực chất cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Phải nâng cao chất lượng từ phát hiện vấn đề, dự báo, lựa chọn phương án đến quyết định, thực hiện, kiểm tra và điều

chỉnh. Dữ liệu, công nghệ phải giúp tham mưu chính xác, nhận diện sớm nguy cơ. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Phải khắc phục bao biện, làm thay, buông lỏng lãnh đạo hoặc xin ý kiến nhiều vòng về việc thuộc thẩm quyền. Cơ quan nhà nước chủ động thể chế hóa, quản lý, điều hành theo Hiến pháp, pháp luật. Không can thiệp làm mất quyền chủ động đã giao, không buông lỏng kiểm tra, giám sát, không thêm tầng nấc xử lý công việc. Đã được giao thẩm quyền thì phải quyết định và chịu trách nhiệm.

Đường lối của Đảng phải được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách đúng tinh thần, thống nhất và khả thi. Trách nhiệm không dừng ở ban hành văn bản. Cơ quan chủ trì phải theo dõi thi hành, xử lý vướng mắc thuộc thẩm quyền, kiến nghị sửa quy định không còn phù hợp. Khi chính sách không đạt mục tiêu, phải xem xét cả chất lượng tham mưu, thiết kế chính sách và trách nhiệm thực hiện.

Thứ tư, Trung ương đã quyết định đổi mới công tác cán bộ và chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, chuẩn bị đội ngũ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Trên cơ sở tổng kết Nghị quyết số 26, Trung ương thông qua Nghị quyết mới về cán bộ và công tác cán bộ; đồng thời thông qua Đề án "Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững". Nhiệm vụ chiến lược của đất nước là căn cứ lựa chọn, sử dụng, phát triển đội ngũ cán bộ.

Năm 2027, phấn đấu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên

Thứ năm, Trung ương đã thống nhất mục tiêu phát triển, chủ trương ngân sách và phát huy nguồn lực để năm 2027 tăng tốc, bứt phá.

Trung ương thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2027, phấn đấu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, tốc độ tăng CPI bình quân khoảng 4,5%, giữ vững ổn định vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn.

Năm 2027 phải tăng tốc, bứt phá, tạo đà, tạo thế, tạo lực cho những năm tiếp theo; cụ thể hóa Kết luận số 18, gắn với đổi mới mô hình phát triển theo Nghị quyết số 19. Tăng trưởng cao phải dựa trên năng suất, sức cạnh tranh, năng lực tự chủ và nền tảng ổn định lâu dài; đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao mọi mặt đời sống nhân dân.

Về ngân sách, Trung ương thống nhất chủ trương cân đối năm 2027 và phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tính chủ động của địa phương, bổ sung nguồn tích lũy cải cách tiền lương. Nuôi dưỡng nguồn thu, tiết kiệm từ khâu phân bổ để tăng nguồn lực cho dự án trọng điểm, cấp thiết và an sinh xã hội. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy định về tỉ lệ bố trí chi ngân sách cho ngành, lĩnh vực; không ban hành thêm các quy định này…

Trung ương thông qua Quy định về đảng viên tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh, khuyến khích làm giàu chính đáng gắn với giữ vững bản chất của Đảng, xây dựng Đảng trong khu vực ngoài nhà nước và liêm chính công vụ. Quyền, điều kiện, giới hạn tham gia phải phù hợp địa vị pháp lý, chức trách, mức độ rủi ro xung đột lợi ích. Kiểm soát phải căn cứ quyền sở hữu, quyền chi phối, lợi ích thực tế, không chỉ người đứng tên; bảo vệ hoạt động kinh tế hợp

pháp, không để quyền lực, thông tin, tài sản công trở thành lợi thế riêng. Xung đột lợi ích phải được báo cáo, xử lý đúng thẩm quyền, không dừng ở kê khai...

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu: Mỗi đồng chí Trung ương phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực, địa bàn được phân công; chọn đúng việc trọng tâm, giải quyết đến cùng những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình. Đã nhận việc phải làm, đã cam kết phải thực hiện, có tồn tại, khuyết điểm phải khắc phục, sửa chữa.

"Sự gương mẫu phải bắt đầu từ chúng ta, từ công việc hằng ngày, tạo chuyển biến trong từng tổ chức và cả hệ thống. Ngay sau Hội nghị, mỗi cấp ủy, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên hãy cùng nhân dân bắt tay vào công việc, tháo gỡ khó khăn, mở ra cơ hội phát triển. Với bản lĩnh, trí tuệ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xứng đáng với niềm tin của nhân dân", Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu.

Đồng thời, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với các cơ quan liên quan sớm hoàn thiện Văn kiện Hội nghị để Bộ Chính trị - Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 - Khóa XIV vào ngày 16/10/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ THÁNG 9 VÀ HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN CHÍNH PHỦ VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng thay mặt Chính phủ ký ban hành Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05/10/2026 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

Tăng trưởng GDP 9 tháng ước đạt 9,01%

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tháng 9 và 09 tháng năm 2026, Nghị quyết nêu rõ: Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, duy trì đà tăng trưởng cao, các động lực truyền thống được phát huy, nhiều điểm nghẽn được khơi thông, các động lực mới bước đầu được tập trung thúc đẩy gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo nền tảng cho đổi mới mô hình phát triển, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Tăng trưởng kinh tế (GDP) quý III ước tăng 9,95% so với cùng kỳ, tính chung 09 tháng tăng 9,01%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 09 tháng tăng 4,52% so với cùng kỳ. Thị trường tiền tệ, tỷ giá cơ bản ổn định, bảo đảm thanh khoản hệ thống các tổ chức tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Thu ngân sách nhà nước 09 tháng đạt 2,19 triệu tỷ đồng, bằng 86,5% dự toán, tăng 12,1% so với cùng kỳ trong khi đã miễn, giảm, gia hạn thuế, phí… khoảng 245,6

nghìn tỷ đồng; đáp ứng nhiệm vụ chi phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chế độ, chính sách theo quy định.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 9 đạt gần 117,7 tỷ đô la Mỹ (USD), tăng 7,3% so với tháng trước, 09 tháng đạt 888 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ; tháng 9 đổi chiều xuất siêu 1,27 tỷ USD sau nhiều tháng nhập siêu. Thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Giải ngân vốn đầu tư công có nhiều chuyển biến; đến hết tháng 9 ước đạt gần 643 nghìn tỷ đồng, đạt 63% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn so với cùng kỳ khoảng 13% về tỷ lệ và 202,6 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối...

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, kinh tế - xã hội nước ta còn gặp nhiều thách thức, nhất là mục tiêu tăng trưởng 2 con số. Lạm phát chịu áp lực do tác động của thị trường quốc tế, chính sách vĩ mô của các đối tác, CPI bình quân 09 tháng tiệm cận mục tiêu cả năm; thị trường tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, lãi suất chịu nhiều sức ép, nợ xấu có xu hướng tăng. Các động lực tăng trưởng truyền thống chưa đạt như kỳ vọng; thị trường trong nước chưa được thúc đẩy rõ nét...

Phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, tạo đà bứt phá cho năm 2027

Tháng 10 và những tháng cuối năm 2026, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục biến động phức tạp, khó lường… Ở trong nước, quý IV là giai đoạn "nước rút", mang tính quyết định để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ năm 2026; có những khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Trước tình hình đó, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tiếp tục đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả hơn nữa các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và của Chính phủ; tận dụng tối đa thời cơ, các yếu tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, hạn chế, tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2026, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, tạo đà bứt phá cho năm 2027 với tinh thần tăng tốc hành động quyết liệt.

Trong đó, tập trung nguồn lực, chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm tiến độ, chất lượng các báo cáo, đề án trình Hội nghị Trung ương 4 khóa XIV, các dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội khóa XVI xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ Hai, tháng 10 năm 2026. Khẩn trương nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Nhân dân đối với các dự án luật quan trọng như Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)… Hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ gắn với phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

Kiên định mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu tăng trưởng năm 2026 đạt "2 con số" gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; lấy hiệu quả thực chất của nền kinh tế, năng suất, sức cạnh tranh, sự phát triển của doanh nghiệp và việc làm, thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân làm thước đo cho sự phát triển. Rà soát toàn bộ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026, có giải pháp cụ thể, quyết liệt đối với chỉ tiêu thực hiện thấp, có khả năng không đạt mục tiêu, kịch bản cả năm và các nhiệm vụ chậm tiến độ, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất.

Trên cơ sở kịch bản tăng trưởng quý IV của các ngành, lĩnh vực, địa phương, từng Bộ, cơ quan, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cơ quan thực hiện; rà soát, xác định các động lực, dư địa tăng trưởng những tháng cuối năm, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền và kịp thời tham mưu, đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền; xác định rõ các dự án có khả năng sớm hoàn thành, đưa vào khai thác và các doanh nghiệp có khả năng mở rộng sản xuất, kinh doanh để tập trung tháo gỡ khó khăn, đôn đốc thực hiện.

Kiên quyết điều chuyển vốn từ dự án giải ngân chậm sang dự án giải ngân tốt có nhu cầu sử dụng vốn

Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, khẩn trương phân bổ chi tiết 19,58 nghìn tỷ đồng vốn ngân sách trung ương còn lại, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch được giao, trong đó tập trung giải ngân tốt cả vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, gắn việc giải ngân với việc hoàn thành khối lượng. Khẩn trương lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành, không để dồn khối lượng giải ngân vào cuối năm; kiên quyết điều chuyển vốn từ dự án giải ngân chậm sang dự án giải ngân tốt có nhu cầu sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ vốn tạm ứng bảo đảm tạm ứng phù hợp với tiến độ dự án, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đẩy nhanh thu hồi tạm ứng, không để xảy ra tạm ứng quá hạn; cập nhật đầy đủ dữ liệu phục vụ chấm điểm giải ngân. Rà soát, có phương án xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài (nhất là các dự án giao thông, năng lượng, hạ tầng lớn). Đẩy nhanh việc kiểm kê, lập phương án xử lý, khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất dôi dư sau tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, không để xuống cấp, lãng phí.

Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, ổn định thị trường, bảo đảm cung cầu hàng hóa, năng lượng trong các tháng cuối năm. Tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI. Phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, khai thác hiệu quả nhu cầu mua sắm, du lịch cuối năm gắn với kiểm soát, bình ổn giá; tận dụng các FTA, xúc tiến thương mại biên giới và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang Nam Mỹ, Trung Đông…, phát triển thương mại cân bằng, bền vững.

Khắc phục triệt để tình trạng nợ đọng văn bản

Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết đã có hiệu lực, khắc phục triệt để tình trạng nợ đọng văn bản. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; khắc phục các điểm nghẽn về kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải quyết thủ tục liên thông. Triển khai quyết liệt nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khẩn trương hoàn thiện, đưa các chính sách mới vào cuộc sống, trong đó hướng dẫn chi tiết thực thi các quy định về tài sản số, khung pháp lý cho Trung tâm Tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch cụm công nghiệp…

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống của Nhân dân, nhất là người có công, đối tượng chính sách, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy

nhanh tiến độ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia. Quyết tâm hoàn thành giám định ADN đối với 18 nghìn mẫu hài cốt liệt sĩ đã được tìm kiếm, quy tập. Rà soát tổng thể nhu cầu và xử lý dứt điểm tình trạng thiếu sách giáo khoa tại các địa phương; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm và bếp ăn tập thể; chú trọng chất lượng bữa ăn học đường. Cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong mua sắm, cung ứng thuốc và thiết bị y tế; bảo đảm các cơ sở khám, chữa bệnh công lập không bị thiếu hụt vật tư, bệnh nhân tiếp cận được thuốc chất lượng với giá hợp lý.

Chuẩn bị chu đáo các hoạt động văn hóa, lễ hội vào dịp cuối năm, trong đó tổ chức tốt Ngày Văn hóa Việt Nam và tuần lễ văn hóa - đại đoàn kết dân tộc năm 2026. Chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa. Theo dõi sát tình hình quan hệ lao động, tiền lương, tiền thưởng tại các khu công nghiệp; tăng cường tổ chức các sàn giao dịch việc làm, hỗ trợ kết nối lao động cho các doanh nghiệp phục vụ cao điểm sản xuất cuối năm.

Đẩy nhanh tiến độ ban hành kết luận thanh tra đối với các cuộc thanh tra đã hoàn thành thanh tra trực tiếp; rà soát, xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; đôn đốc việc thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc tiếp công dân định kỳ, đột xuất; gắn tiếp công dân với rà soát, đối thoại, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng; đẩy mạnh thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

Nguồn: baochinhphu.vn

TẠO MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ THÔNG THOÁNG, ĐỒNG BỘ ĐỂ KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

Sáng ngày 09/10/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu chủ trì họp về tình hình triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), tính đến ngày 7/10, một số nhiệm vụ đã được hoàn thành, bao gồm: Xây dựng các văn bản để triển khai những nhiệm vụ liên quan; tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống VBQPPL tại một số cơ quan Trung ương và địa phương; tổ chức họp, hội thảo, toạ đàm và các hình thức phù hợp để trao đổi, lấy ý kiến chuyên sâu đối với kết quả tổng rà soát; xây dựng dự thảo Báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát; tổ chức truyền thông, tuyên truyền;...

Ưu tiên rà soát, xử lý các quy định pháp luật đang cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh

Sau khi lắng nghe các bộ, cơ quan trao đổi, thảo luận, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu ghi nhận những kết quả bước đầu và cơ bản nhất trí với báo cáo, ý kiến của các đại biểu. Tuy nhiên,

Phó Thủ tướng cho rằng kết quả rà soát của một số bộ, ngành, địa phương chưa phân tích sâu nguyên nhân, tác động thực tế và chưa đề xuất rõ phương án, lộ trình xử lý. Việc tham vấn người dân, doanh nghiệp, chuyên gia, đối chiếu thực tiễn cũng chưa thật sự đầy đủ và kỹ càng.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu yêu cầu các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể.

Trên cơ sở kết quả rà soát đã có, các bộ, ngành và địa phương tập trung nhận diện, phân tích chuyên sâu những vấn đề, những điểm nghẽn pháp lý mang tính hệ thống, liên ngành tác động lớn đến sự phát triển. Trong đó ưu tiên rà soát, xử lý các quy định pháp luật đang cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh,... để bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Cũng theo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu, đối với những khoảng trống pháp lý, những vướng mắc xuất phát từ quy định pháp luật, cần khẩn trương đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới theo thẩm quyền. Vướng mắc trong tổ chức thực thi pháp luật cũng cần kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

Cùng với đó là tiếp tục chú trọng tổ chức các hoạt động trao đổi, lấy ý kiến chuyên sâu đối với kết quả tổng rà soát thuộc phạm vi trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra, các vướng mắc có tính liên ngành phải được xử lý một cách đồng bộ. Rà soát pháp luật phải lấy vấn đề thực tiễn làm trung tâm, không bị giới hạn bởi ranh giới quản lý của từng bộ, ngành. Việc kiến nghị sửa đổi và tổ chức thực hiện phải đúng thẩm quyền.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đề nghị các bộ, ngành, cơ quan có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ, đúng thời hạn các nội dung, quy định pháp luật có tính chất hệ thống, liên ngành, liên lĩnh vực gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 12/10/2026.

Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan tổng hợp đầy đủ các nội dung quy định pháp luật có tính hệ thống, liên ngành còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan. Đồng thời, phân loại, xác định cơ quan chủ trì, cơ quan tham mưu xử lý trên cơ sở bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn lĩnh vực quản lý nhà nước của các cơ quan.

Tiếp tục phát huy vai trò của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ Tư pháp tập trung cao độ và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn giải đáp cho các cơ quan, địa phương; cho ý kiến thẩm định đối với dự thảo báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL, dự thảo báo cáo chuyên đề chính thức về kết quả tổng rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL;...

Bộ Tài chính tiếp tục theo dõi sát tình hình, lập dự toán, bố trí kinh phí phục vụ cho tổng rà soát hệ thống VBQPPL.

Bộ Khoa học và Công nghệ tích cực phối hợp với các bộ, ngành về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để rà soát và hướng dẫn kịp thời đối với những trường hợp có vướng mắc.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên tiếp tục tổ chức các hoạt động tham vấn rộng rãi, lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, các thành viên, hội viên về những bất cập trong quy định pháp luật. Những kiến nghị phải đặt trong bối cảnh tổng thể, đồng bộ và hướng đến mục tiêu phát triển chung.

Nguồn: nhandan.vn

TIẾP TỤC RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2026 sáng ngày 03/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị các địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, thời gian qua, việc sắp xếp mạng lưới trường học, cơ sở giáo dục đã được triển khai căn bản. Trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện đối với các lĩnh vực còn lại, trong đó có y tế, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Các địa phương phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành trong quá trình triển khai, bảo đảm việc sắp xếp được thực hiện đồng bộ, phù hợp với yêu cầu thực tế.

Liên quan đến việc sắp xếp trường học, báo cáo tại phiên họp, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn cho biết, thời gian qua các địa phương đã khẩn trương triển khai sắp xếp các trường mầm non, phổ thông, đến nay, số trường giảm 50,6%.

Tuy nhiên, quá trình này cũng phát sinh một số vấn đề cần xử lý. Trong đó, có các trường hợp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng sẵn sàng nghỉ chế độ sớm nhưng chưa đủ điều kiện áp dụng theo Nghị định 154; một số trường có quy mô rất lớn, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục; tình trạng thừa, thiếu cục bộ và thiếu số lượng biên chế so với định mức...

Theo Bộ trưởng Hoàng Minh Sơn, trong tháng 10, các địa phương cần hoàn thành việc điều động, luân chuyển giáo viên giữa những địa bàn đang thừa, thiếu cục bộ; đồng thời hoàn thiện thống kê số lượng, bảo đảm chính xác để làm cơ sở đề xuất bổ sung biên chế.

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành các thông tư điều chỉnh định mức, trong đó có định mức biên chế và chế độ làm việc của giáo viên. Trên cơ sở các quy định, định mức được hoàn thiện, Bộ sẽ tổng hợp đề xuất bổ sung biên chế của các địa phương, phối hợp với Bộ Nội vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền.

Xây dựng khung biên chế cho giai đoạn 2027 - 2031

Liên quan đến công tác tổ chức bộ máy và biên chế, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị Bộ Nội vụ khẩn trương hoàn thiện Đề án về khung tổ chức bộ máy của nền hành chính từ Trung ương đến cấp xã, làm cơ sở cho việc xác định biên chế của giai đoạn 2027 - 2031.

Đồng thời Bộ Nội vụ rà soát, trên cơ sở 5 nguyên tắc cơ bản, xây dựng khung biên chế giai đoạn 2027 - 2031 đối với các bộ, ngành; hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án biên chế giai đoạn tới để báo cáo cấp có thẩm quyền.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu các địa phương xây dựng phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 cụ thể, chi tiết, khách quan, bám sát các nguyên tắc và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ.

Về xây dựng mô hình đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân tiêu biểu, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng các tiêu chí liên quan. Trên cơ sở đó, đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục hoàn thiện Đề án, báo cáo Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền, bảo đảm tiến độ đề ra.

Đối với công tác an sinh xã hội, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị các địa phương khẩn trương rà soát, tổ chức thực hiện các chính sách mới được điều chỉnh, bổ sung, tập trung vào 3 nghị định: Nghị định số 335/2026/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội; Nghị định số 321/NĐ-CP về trợ cấp, phụ cấp và chế độ ưu đãi đối với người có công; Nghị định số 381/NĐ-CP về phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐOÀN CÔNG TÁC BỘ NỘI VỤ LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 08/10/2026, Đoàn công tác của Bộ Nội vụ do Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi làm Trưởng đoàn đã làm việc với tỉnh Thanh Hóa về công tác cải cách hành chính từ năm 2024 đến nay.

Tại buổi làm việc, ông Lê Ngọc Hợp, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa, báo cáo về công tác triển khai cải cách hành chính gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn.

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng và trước hạn đạt 99,24%

Theo đó từ năm 2024 đến nay, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh Thanh Hóa được triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm. Tỉnh đã ban hành các kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo, đồng thời cụ thể hóa nhiệm vụ, xác định tiến độ, cơ quan chủ trì và trách nhiệm thực hiện.

Giai đoạn 2024 - 2026, Thanh Hóa đã ban hành 304 văn bản quy phạm pháp luật, được thẩm định và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Đáng chú ý, công tác cải cách thủ tục hành chính là một trong những lĩnh vực có chuyển biến rõ nét. Từ năm 2024 đến nay, tỉnh đã ban hành 569 quyết định công bố thủ tục hành chính, trong đó có hơn 1.100 thủ tục mới, gần 3.000 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 1.132 thủ tục được bãi bỏ.

Thanh Hóa đã rà soát, đơn giản hóa toàn bộ 60 thủ tục hành chính đặc thù, qua đó cắt giảm 60% chi phí và 62% thời gian giải quyết. Đối với thủ tục hành chính nội bộ, tỉnh đã công bố 580/580 thủ tục và đề xuất đơn giản hóa 351 thủ tục, giúp tiết kiệm khoảng 191 tỷ đồng mỗi năm.

Cơ chế ưu tiên "làn xanh" trong lĩnh vực đầu tư cũng được triển khai, rút ngắn thời hạn giải quyết từ 17 ngày làm việc xuống không quá 7 ngày, một số thủ tục chỉ còn không quá 24 giờ.

Toàn tỉnh hiện có gần 2.200 thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính; 573 thủ tục hành chính được phân cấp, ủy quyền; 214 thủ tục hành chính được thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu và 347 biểu mẫu điện tử được cung cấp.

Năm 2024, tỉnh tiếp nhận 891.815 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,40%. Năm 2025, tỉnh tiếp nhận 751.130 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,26%, trong đó tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 96,07%.

Riêng 9 tháng đầu năm, các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hơn 1 triệu hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,24%. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp tăng từ 95,25% năm 2024 lên 95,55% năm 2025 và đạt 97% trong 6 tháng đầu năm nay.

Tuy nhiên, Thanh Hóa vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn. Theo Ủy ban nhân dân tỉnh, một trong những nguyên nhân là hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa đồng bộ, trình độ tiếp cận các thủ tục trực tuyến của người dân còn hạn chế, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kiến nghị các bộ, ngành Trung ương rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng đồng bộ; sớm hoàn thành các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được giao.

Địa phương cũng kiến nghị Bộ Công an kiểm tra, rà soát việc kết nối, đồng bộ và hiển thị dữ liệu phục vụ đánh giá các chỉ số thuộc Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thanh Hóa kiến nghị Bộ Tư pháp sớm triển khai chức năng báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính trên hệ thống báo cáo điện tử; nghiên cứu bổ sung các chức năng thống kê, tổng hợp số liệu, tạo thuận lợi cho các địa phương thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng.

Sau khi lắng nghe, đại diện các bộ, ngành, đoàn công tác đã giải đáp một số kiến nghị, đồng thời tiếp thu, nghiên cứu để đề xuất hướng giải quyết các vấn đề liên quan.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo cải cách hành chính

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi ghi nhận, đánh giá cao nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Thanh Hóa trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi, từ năm 2024 đến nay, đặc biệt từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Thanh Hóa đã có nhiều nỗ lực trong triển khai cải cách hành chính.

Đáng chú ý, tỉnh đã chuẩn hóa hơn 3.000 quy trình thuộc các sở, ngành, đơn vị trực thuộc theo nguyên tắc "1 xuyên suốt" và "6 rõ", nhằm xác định rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ sản phẩm. Dù vậy, Thứ trưởng cũng lưu ý cải cách thủ tục hành chính không chỉ dừng ở việc giảm số lượng thủ tục hay số bước trong quy trình mà phải giảm thực chất thời gian và chi phí mà người dân, doanh nghiệp phải bỏ ra để hoàn thành công việc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ cũng chỉ ra một số hạn chế trong công tác cải cách hành chính tại Thanh Hóa.

Theo đó, chất lượng cải cách hành chính giữa các ngành, các cấp, nhất là giữa cấp tỉnh và cấp xã chưa thật sự đồng đều. Việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp mới được thực hiện trong thời gian chưa dài, trong khi khối lượng công việc và thẩm quyền chuyển giao về cấp xã lớn. Thanh Hóa vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn; ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính và trách nhiệm nêu gương của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; công tác chuyển đổi số còn những điểm nghẽn về dữ liệu, hạ tầng và liên thông hệ thống…

Trước những tồn tại trên, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi đề nghị Thanh Hóa nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và nhiệm vụ thiết thực, tháo gỡ các vướng mắc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

Đối với thủ tục hành chính, Thứ trưởng Bộ Nội vụ nhấn mạnh Thanh Hóa cần tái cấu trúc quy trình, số hóa hồ sơ, giấy tờ, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp.

Đồng thời đề nghị tỉnh Thanh Hóa tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, công cụ thực thi và kiểm soát quyền lực; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cấp xã. Đặc biệt, Thanh Hóa cần xây dựng kế hoạch khắc phục, nâng cao hai chỉ số PAR Index và SIPAS, phân tích sâu từng tiêu chí để tìm nguyên nhân.

“Mỗi chỉ số phải được chuyển hóa thành một nhiệm vụ cải cách cụ thể; mỗi phản ánh của người dân phải được xem là một dữ liệu đầu vào để cải tiến, điều chỉnh hoạt động của cơ quan hành chính các cấp”, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi nhấn mạnh.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Văn Hồi đề nghị tỉnh tiếp tục phát huy kết quả đạt được, nghiêm túc tiếp thu các ý kiến của Đoàn kiểm tra và xây dựng kế hoạch khắc phục cụ thể đối với từng tồn tại, hạn chế; xác định rõ cơ quan chủ trì, thời hạn và sản phẩm hoàn thành. Đối với các đề xuất, kiến nghị của tỉnh Thanh Hóa, Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan trả lời tỉnh.

Trước đó, ngày 07/10/2026, ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ), cùng đại diện các bộ, ngành đã kiểm tra công tác cải cách hành chính tại xã Triệu Sơn và xã An Nông. Tại buổi kiểm tra, đoàn công tác lắng nghe kết quả, những vướng mắc, khó khăn trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn, đồng thời đề xuất các phương án khắc phục cụ thể.

Nguồn: dantri.vn

BỘ NỘI VỤ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PAR INDEX GIAI ĐOẠN MỚI

Ngày 06/10/2026, tại Trụ sở Bộ Nội vụ, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung Đề án "Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" (gọi tắt là PAR INDEX).

Phát biểu tại Hội thảo, ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ cho biết, đợt điều chỉnh này hướng tới khắc phục triệt để những tồn tại, bất cập phát sinh trong quá trình triển khai đánh giá thực tế thời gian qua.

Bộ chỉ số PAR INDEX do Bộ Nội vụ triển khai từ năm 2012 đến nay đã khẳng định được sức sống, tính bền vững, toàn diện và độ tin cậy cao. Kết quả công bố hàng năm không chỉ được các bộ, ngành, địa phương đón nhận mà còn nhận được sự đánh giá cao từ dư luận xã hội và các nhà nghiên cứu.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nhiều bộ, ngành đã chủ động xây dựng các công cụ đánh giá chuyên ngành theo chỉ đạo của Trung ương (như Bộ Tư pháp với KPI công tác pháp luật, Bộ Tài chính với chỉ số giải ngân vốn đầu tư công, Bộ Khoa học và Công nghệ với chỉ số chuyển đổi số). Điều này đòi hỏi Bộ Nội vụ phải tiếp cận lại bộ tiêu chí PAR INDEX theo hướng đồng bộ, tích hợp và bảo đảm tính kết nối hệ thống.

Về nguyên tắc sửa đổi, Đề án giữ nguyên khung cấu trúc, phương pháp và hệ thống tiêu chí đã phát huy hiệu quả; chỉ chỉnh sửa, cập nhật những nội dung thực sự cần thiết và loại bỏ các chỉ tiêu không còn phù hợp. PAR INDEX sẽ đóng vai trò là bộ công cụ đánh giá tổng thể, chọn lọc các tiêu chí cốt lõi từ các chỉ số chuyên ngành để tránh trùng lặp hoặc mâu thuẫn.

Đồng thời, Đề án duy trì phương pháp kết hợp đánh giá định tính - định lượng, kết hợp đánh giá nội bộ và đo lường sự hài lòng từ bên ngoài, tối đa hóa khai thác dữ liệu sẵn có từ hệ thống của các bộ, ngành.

Những điểm mới đáng chú ý

Mục tiêu của PAR INDEX là theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Về tổng thể, bộ tiêu chí đánh giá cấp bộ giữ nguyên 7 lĩnh vực nhưng gia tăng về số lượng tiêu chí và tiêu chí thành phần, tăng từ 43 tiêu chí lên 44 tiêu chí và từ 95 tiêu chí thành phần lên 98 tiêu chí thành phần. Thang điểm đánh giá tổng thể tiếp tục được duy trì ổn định.

Các điểm điều chỉnh tập trung vào việc gia tăng chất lượng giải quyết thủ tục hành chính dựa trên mức độ hài lòng thực tế của người dân, bổ sung các tiêu chí thành phần gắn liền với trách nhiệm cá nhân của công chức trong xử lý hồ sơ, đưa dữ liệu KPI vào đánh giá công vụ,

cũng như tích hợp các tiêu chí số đánh giá hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và an toàn thông tin mạng trong chuyển đổi số.

Ở cấp tỉnh, bộ tiêu chí tiếp tục duy trì 8 lĩnh vực đánh giá nhưng mở rộng quy mô từ 38 tiêu chí lên 44 tiêu chí và từ 88 tiêu chí thành phần lên 97 tiêu chí thành phần. Trong đó bổ sung các tiêu chí đo lường yêu cầu đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với các thể chế, chính sách do địa phương ban hành; kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý biên chế và hiệu quả phân cấp, phân quyền; đánh giá chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thông qua dữ liệu KPI của địa phương; tỷ lệ người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử, dịch vụ công trực tuyến và tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của địa phương.

Nhằm bảo đảm Chỉ số CCHC được đo lường khách quan, công bằng, toàn diện và hiệu quả, Bộ Nội vụ đề nghị các cơ quan, địa phương tiếp tục nghiên cứu kỹ dự thảo để đóng góp ý kiến. Đặc biệt, 5 bộ trong Hội đồng thẩm định cần nghiên cứu sâu 8 lĩnh vực cấp tỉnh và 7 lĩnh vực cấp bộ liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý nhà nước của đơn vị mình, gửi ý kiến bằng văn bản để Bộ Nội vụ tổng hợp, hoàn thiện Đề án trong thời gian tới.

Phương Nhung/Moha.gov.vn

ĐỀ XUẤT TĂNG THỜI HẠN PHIẾU CHUYỂN KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ LÊN 20 NGÀY

Bộ Y tế đang sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BYT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, trong đó đề xuất đẩy mạnh sử dụng phiếu chuyển và phiếu hẹn khám lại điện tử.

Theo dự thảo, phiếu chuyển cơ sở khám chữa bệnh có thể được lập bằng bản giấy hoặc bản điện tử và có thời hạn sử dụng 20 ngày kể từ ngày ký, thay vì 10 ngày như quy định hiện nay.

Người bệnh có thể sử dụng phiếu chuyển và phiếu hẹn khám lại trên ứng dụng VNeID, hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế, văn bản điện tử có ký số hoặc bản giấy có mã QR để tra cứu. Phiếu được hiển thị trên ứng dụng quản lý sức khỏe điện tử của cơ sở khám chữa bệnh theo quy định có giá trị tương đương bản giấy.

Đối với phiếu hẹn khám lại, người bệnh phải đến cơ sở khám chữa bệnh trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu. Trường hợp không thể đến đúng thời gian hẹn, người bệnh có thể liên hệ bác sĩ hoặc cơ sở điều trị để đặt lịch khác.

Dự thảo cũng đề xuất nghiên cứu chức năng tự động nhắc lịch, đồng thời hỗ trợ người thân tra cứu phiếu hẹn của trẻ em, người cao tuổi và người phụ thuộc trên các ứng dụng điện tử.

Một trong những điểm đáng chú ý của dự thảo là đề xuất cấp phiếu chuyển có giá trị 1 năm đối với người mắc bệnh mạn tính hoặc phải điều trị dài ngày thuộc danh mục do Bộ Y tế quy định. Nếu trong quá trình điều trị, cơ sở tiếp nhận phát hiện thêm một bệnh khác cũng thuộc danh mục này, người bệnh không phải làm thêm phiếu chuyển.

Dự thảo đồng thời bổ sung danh mục một số bệnh y học cổ truyền được khám chữa bệnh tại cơ sở cấp chuyên sâu lĩnh vực y học cổ truyền, phục hồi chức năng; điều chỉnh một số danh mục bệnh như đái tháo đường, suy tim, tăng huyết áp.

Dự thảo cũng đề xuất thay đổi cách chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám chữa bệnh. Theo đó, việc chuyển người bệnh sẽ căn cứ vào yêu cầu chuyên môn và khả năng điều trị của cơ sở tiếp nhận, thay vì phụ thuộc cứng vào hạng bệnh viện và phân tuyến chuyên môn kỹ thuật như trước.

Dự thảo cũng đề xuất mở rộng một số đối tượng được đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, trong đó có người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu và người khuyết tật từ 70 tuổi trở lên đăng ký thường trú tại địa bàn nơi cơ sở khám chữa bệnh đặt địa điểm hoạt động.

Theo Bộ Y tế, việc tổ chức khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cần gắn với năng lực thực tế của từng cơ sở và yêu cầu chăm sóc người bệnh, đồng thời tạo điều kiện để người bệnh được tiếp tục quản lý, theo dõi phù hợp tại tuyến cơ sở.

Nguồn: vietnamplus.vn

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THUẾ - HẢI QUAN: NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

Ngành Thuế và Hải quan là lực lượng tiên phong trong cải cách thể chế, hiện đại hóa quản lý, góp phần quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Phát biểu khai mạc Diễn đàn "Ngành Thuế và ngành Hải quan đồng hành cùng doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số" tổ chức ngày 08/10/2026, Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế - Tài chính Phạm Thu Phong cho biết, đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, hiện đại và hội nhập sâu rộng.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Đảng và Chính phủ đã xác định rõ yêu cầu tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng thể chế, hoàn thiện chính sách, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Ông Phạm Thu Phong cho rằng, trong tiến trình ấy, ngành Thuế và ngành Hải quan giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Không chỉ thực hiện chức năng quản lý thu ngân sách nhà nước, hai ngành còn là lực lượng tiên phong trong cải cách thể chế, hiện đại hóa quản lý, tạo thuận lợi thương mại, đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo lập môi trường bình đẳng, tuân thủ pháp luật và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

"Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, ngành Thuế và ngành Hải quan đã đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và hiện đại hóa. Từ dịch vụ thuế điện tử, dịch vụ công trực tuyến toàn trình đến hóa đơn điện tử; từ hải quan điện tử đến thông quan tập trung hướng tới xây dựng hải quan số, hải quan thông minh; triển khai ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước về thuế và hải quan... Những cải cách thực chất đó đã giúp giảm thời gian, chi phí tuân thủ, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh" - ông Phạm Thu Phong nhấn mạnh.

Đi đầu trong chuyển đổi số

Chia sẻ về kết quả công tác cải cách hành chính thuế tại diễn đàn, Phó Cục trưởng Cục Thuế Mai Sơn cho biết, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu bứt phá với tốc độ tăng trưởng hai con số, yêu cầu đặt ra cho cơ quan quản lý là phải chủ động đồng hành, hỗ trợ và mở đường cho doanh nghiệp phát triển.

Để giúp người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuận lợi nhất với chi phí thấp nhất và bảo đảm tính minh bạch, ngành Thuế xác định chuyển đổi số là chìa khóa cốt lõi làm thay đổi căn bản phương thức vận hành và đã tập trung nguồn lực cho công tác này.

Ông Mai Sơn cho biết, đến nay, hạ tầng công nghệ thông tin của ngành Thuế đã phát triển toàn diện, đáp ứng nghiệp vụ quản lý thuế cốt lõi và dịch vụ thuế điện tử. Quá trình chuyển đổi toàn diện này được thể hiện rõ qua 4 giải pháp công nghệ trọng điểm của ngành Thuế.

Trong đó, eTax Mobile đang dần khẳng định là kênh giao dịch "một cửa" trên thiết bị di động tích hợp VNeID, hỗ trợ kê khai, nộp thuế và trợ lý ảo Chatbot 24/7.

Hệ thống hóa đơn điện tử được triển khai toàn quốc từ ngày 1/7/2022, đã tiếp nhận và xử lý khoảng 29 tỷ hóa đơn, tạo nên nguồn Big Data quan trọng cho công tác quản lý thuế.

Trước sự bùng nổ của kinh tế số, ngành Thuế đã chủ động nâng cấp Cổng thông tin thương mại điện tử, hiện quản lý dữ liệu của khoảng 95.000 doanh nghiệp; 1,2 triệu hộ/cá nhân kinh doanh và 282 nhà cung cấp nước ngoài.

Hạ tầng công nghệ thông tin được quy hoạch tập trung, kết nối liên thông với Bộ Tài chính, Bộ Công an, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại. Công tác an toàn thông tin được duy trì theo mô hình 4 lớp với hệ thống giám sát 24/7 nhằm bảo vệ dữ liệu quốc gia và bảo đảm tính liên tục của hệ thống.

Ông Mai Sơn cho rằng, sự chuyển dịch này đem lại 3 lợi ích cốt lõi là rút ngắn tối đa thời gian xử lý hồ sơ; giảm thiểu sai sót, tăng tính minh bạch nhờ tự động hóa tính toán và đối soát; nâng cao năng lực cảnh báo rủi ro nhờ phân tích dữ liệu lớn để phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường.

Ở lĩnh vực Hải quan, ông Trần Đức Hùng - Phó Cục trưởng Cục Hải quan cho biết, quá trình cải cách trong lĩnh vực Hải quan đang có thêm nền tảng pháp lý từ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, có hiệu lực từ ngày 1/3/2027.

Theo ông Trần Đức Hùng, những thay đổi của Luật tập trung vào các yêu cầu đang đặt ra trong thực tiễn quản lý, trong đó có cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thúc đẩy hải quan số, hoàn thiện quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và bổ sung quy định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử.

Luật cũng được xây dựng phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới, đồng thời rút ngắn thời hạn kiểm tra sau thông quan xuống tối đa 20 ngày. Những thay đổi này tạo hành lang pháp lý để cơ quan Hải quan tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, đồng thời giúp doanh nghiệp có cơ sở rõ ràng hơn trong thực hiện thủ tục và tuân thủ pháp luật.

Như vậy, cải cách không chỉ dừng ở việc giảm một số thủ tục riêng lẻ, mà đang hướng tới tái thiết kế quy trình nghiệp vụ, tạo cơ sở pháp lý cho hải quan số và từng bước hình thành phương thức quản lý dựa trên dữ liệu.

Từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, ông Đậu Anh Tuấn - Phó Tổng thư ký, Trưởng ban Pháp chế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhận xét, ngành Thuế và ngành Hải quan là hai trong số những ngành đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Trong lĩnh vực hải quan, việc triển khai thông quan điện tử đã tạo ra những thay đổi căn bản về phương thức thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu. Đối với lĩnh vực thuế, hóa đơn điện tử cùng nhiều thủ tục kê khai, nộp và hoàn thuế trên môi trường điện tử đã mang lại sự thuận tiện rõ rệt cho người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

ĐỢT CAO ĐIỂM 100 NGÀY: NHIỀU ĐIỂM NGHẼN CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐƯỢC THÁO GỠ

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, sau hơn 2 tháng triển khai đợt cao điểm 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, nhiều nhiệm vụ về thể chế, hạ tầng, dữ liệu, dịch vụ công, nền tảng số dùng chung và an toàn, an ninh mạng đã có chuyển biến rõ nét.

Tuy nhiên, một số điểm nghẽn vẫn cần tiếp tục xử lý, nhất là chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện nền tảng dùng chung và chuyển các kết quả đã ban hành thành kết quả vận hành thực chất, có thể đo lường, kiểm chứng.

Hoàn thiện khung kiến trúc, thể chế

Theo Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), sau hơn 2 tháng triển khai, một số điểm nghẽn lớn đã được nhận diện rõ hơn và từng bước được tháo gỡ theo từng nhóm nhiệm vụ.

Về thể chế và kiến trúc tổng thể, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành cập nhật Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số. Ngày 29/7/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1425/QĐ-TTg về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số phiên bản 1.0.

Cùng với đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành một số thông tư quan trọng như Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN quy định chi tiết về phát triển thử nghiệm trong chuyển đổi số và quản lý chất lượng các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

Ở lĩnh vực hạ tầng số, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành tổng hợp danh mục các trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao cần bảo đảm nguồn điện và gửi Bộ Công Thương.

Đối với tình trạng lõm sóng, sóng yếu, qua rà soát đã xác định 117 điểm tại 11 tỉnh, thành phố. Các địa phương và doanh nghiệp viễn thông đã có kế hoạch xử lý 73 điểm, đồng thời cam kết hoàn thành 46 điểm còn lại trước ngày 30/11/2026.

Một giải pháp khác được triển khai là sử dụng Internet vệ tinh để hỗ trợ khắc phục những khu vực còn khó khăn về kết nối. Ngày 11/9/2026, Cục Viễn thông phối hợp với Starlink Việt Nam tiếp nhận 254 bộ thiết bị Internet vệ tinh, trong đó có 44 bộ phục vụ khắc phục tạm thời các điểm lõm sóng tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập.

Kết nối, làm sạch dữ liệu

Dữ liệu tiếp tục là một trong những trọng tâm của đợt cao điểm. Theo Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành kết nối 7/7 cơ sở dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 11/NQ-CP. Trong đó, 6 cơ sở dữ liệu đã hoàn thành làm sạch và đồng bộ dữ liệu lịch sử, đạt chỉ tiêu tối thiểu 80%.

Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành cũng đã hoàn thành, gồm cơ sở dữ liệu bưu chính, viễn thông, chứng thực điện tử, doanh thu dịch vụ viễn thông, tài nguyên viễn thông và thống kê tốc độ Internet.

Những kết quả này tạo nền tảng quan trọng để các cơ quan nhà nước khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu, qua đó giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin và từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ số.

Trong cung cấp dịch vụ công, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp và hoạt động đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Việc kết nối hệ thống giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu đã công bố và các cơ sở dữ liệu mới hoàn thành cũng đã được ghi nhận.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành tái cấu trúc 80 thủ tục hành chính còn lại theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP. Đồng thời, 5 thủ tục hành chính có tần suất cao đã được lựa chọn để tiếp tục tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hóa, giảm thao tác và tăng khả năng tái sử dụng dữ liệu.

Đáng chú ý, yêu cầu về chất lượng dịch vụ số không chỉ dừng ở việc hệ thống được xây dựng hay kết nối thành công. Bộ đã ban hành bộ tiêu chuẩn, chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng tại Quyết định số 2324/QĐ-BKHCN ngày 7/5/2026.

Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành Văn bản số 6104/BKHCN-CĐSQG ngày 13/8/2026 về tiêu chí triển khai và yêu cầu đối với nền tảng số dùng chung quốc gia, trong đó bảo đảm khả năng đăng nhập một lần qua VNeID.

Đối với an toàn, an ninh mạng, các hệ thống cấp độ 4 và cấp độ 5 đã hoàn thành hồ sơ cấp độ, kiểm thử xâm nhập và đánh giá độc lập trước ngày 30/7/2026.

Trong công tác giám sát an ninh mạng, 3/3 hệ thống cấp độ 4, 5 đang hoạt động đã kết nối chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm An ninh mạng quốc gia. Đối với các hệ thống cấp độ 3, 49/49 hệ thống đã thực hiện kết nối chia sẻ thông tin giám sát.

Đây là những kết quả quan trọng nhằm tăng khả năng phát hiện, giám sát và xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình các hệ thống số được đưa vào vận hành trên quy mô ngày càng lớn.

Điểm nghẽn còn lại: Phải chuyển từ "có" sang "chạy tốt"

Bên cạnh những kết quả đạt được, Cục Chuyển đổi số quốc gia cho biết vẫn còn một số điểm nghẽn chưa được khắc phục triệt để.

Trọng tâm trong thời gian còn lại của đợt cao điểm đến ngày 30/11/2026 là tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành, địa phương hoàn thành báo cáo, chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung và xử lý các điểm lõm sóng còn lại.

Cùng với đó là hoàn thiện công cụ đo lường trải nghiệm người dùng và quan trọng hơn là chuyển các kết quả đã ban hành trên giấy thành kết quả vận hành thực chất, có thể đo được và kiểm chứng được.

Đây cũng là một yêu cầu có ý nghĩa quyết định đối với chuyển đổi số. Bởi việc hoàn thành một văn bản, kết nối một hệ thống hay đưa một nền tảng vào vận hành mới chỉ là điều kiện cần; hiệu quả cuối cùng phải được thể hiện qua khả năng hệ thống vận hành ổn định, dữ liệu được khai thác và tái sử dụng, thủ tục được đơn giản hóa và người dân, doanh nghiệp thực sự được hưởng lợi.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI THÀNH LẬP BAN TỔ CHỨC CUỘC THI "TÌM KIẾM Ý TƯỞNG, GIẢI PHÁP CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LẦN THỨ 3"

Ngày 07/10/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Vũ Đại Thắng đã ký ban hành Quyết định số 5611/QĐ-UBND về việc thành lập Ban tổ chức Cuộc thi "Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội lần thứ 3 năm 2026".

Quyết định thành lập Ban tổ chức Cuộc thi "Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội lần thứ 3 năm 2026" gồm các ông (bà): Trưởng ban là ông Trương Việt Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Trưởng ban Thường trực là ông Nguyễn Quang Hiếu, Giám đốc Sở Nội vụ; Phó Trưởng ban là ông Nguyễn Mạnh Quân, Phó Giám đốc Sở Nội vụ cùng các thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành thành phố tham gia.

Ban tổ chức có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức cuộc thi; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban tổ chức, bảo đảm cuộc thi được tổ chức đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ đề ra.

Đồng thời, chỉ đạo, thành lập Ban Giám khảo và xây dựng, thống nhất phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm bài dự thi theo Quy chế chấm thi và các quy định có liên quan; chỉ đạo công tác tiếp nhận, rà soát, phân loại bài dự thi; chỉ đạo Ban Giám khảo tổ chức đánh giá, chấm điểm các bài dự thi, bảo đảm việc đánh giá, chấm điểm được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, đúng tiêu chí và thang điểm được phê duyệt; xem xét, công nhận kết quả Cuộc thi đối với các tập thể, cá nhân, nhóm tác giả có bài dự thi đạt giải; chỉ đạo tổ chức công bố kết quả, tổng kết và trao giải cuộc thi theo kế hoạch.

Cùng với đó là xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố việc triển khai thí điểm hoặc nhân rộng các ý tưởng, giải pháp có chất lượng, tính mới, tính khả thi và hiệu quả trên địa bàn thành phố.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: KHẢO SÁT NHẰM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Từ ngày 15/10 đến 15/11/2026, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ triển khai khảo sát trực tuyến nhằm đánh giá kết quả cải cách hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

Theo đó, tại Kế hoạch số 545/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành, hoạt động điều tra xã hội học năm 2026 được triển khai nhằm đánh giá khoa học, toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp xã. Qua đó, thành phố đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công, làm cơ sở nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

Theo kế hoạch, Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến khảo sát khoảng 13.855 người để xác định Chỉ số cải cách hành chính. Cụ thể, khối sở, ngành sẽ khảo sát khoảng 1.435 người, bao gồm Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các sở, ban, ngành và lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc. Khối xã, phường, đặc khu sẽ khảo sát 12.420 người, gồm Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, lãnh đạo ủy ban nhân dân cấp xã và lãnh đạo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cơ sở.

Song song đó, để đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức, thành phố sẽ triển khai khoảng 32.550 phiếu khảo sát (khối sở, ngành 3.250 phiếu; cấp xã: 29.300 phiếu). Phạm vi đánh giá bao gồm 184 đơn vị, gồm: 16 sở, ban, ngành thành phố và 168 xã, phường, đặc khu. Số lượng phiếu khảo sát cho từng cơ quan được phân bổ dựa trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính thực tế đã giải quyết từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/9/2026 trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố. Đơn vị có lượng hồ sơ lớn từ 20.000 trở lên sẽ được phân bổ tối đa 300 phiếu.

Theo kế hoạch, việc khảo sát sẽ thực hiện 100% bằng hình thức trực tuyến trên Phần mềm Hệ thống quản lý công tác cải cách hành chính thành phố (địa chỉ: *cchc-sonoivu.tphcm.gov.vn*). Đối với đối tượng lãnh đạo, quản lý, hệ thống sẽ gửi đường dẫn hoặc mã QR trực tiếp qua hộp thư điện tử công vụ. Đối với người dân và tổ chức, việc điều tra được tiến hành ngay sau khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã.

Để đảm bảo tính trung thực, mỗi số điện thoại chỉ được tham gia khảo sát một lần duy nhất đối với từng bộ câu hỏi, và mỗi phiếu khảo sát sẽ được gắn chặt chẽ với một mã hồ sơ thủ tục hành chính cụ thể.

Nội dung khảo sát dành cho nhóm cán bộ lãnh đạo tập trung vào các tác động của cải cách hành chính đối với chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc kiện toàn bộ máy

hành chính, quản lý đội ngũ công chức, kỷ cương công vụ và hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính công.

Đối với người dân, doanh nghiệp, nội dung phiếu khảo sát tập trung vào các tiêu chí cốt lõi: Khả năng tiếp cận thông tin dịch vụ hành chính công; sự minh bạch và tính đơn giản của hồ sơ; thời gian, chi phí giải quyết; tinh thần trách nhiệm, thái độ và sự công bằng của cán bộ phục vụ; chất lượng và tính chính xác của kết quả thủ tục hành chính; cùng hiệu quả tiếp nhận, phản hồi các kiến nghị. Riêng ở cấp xã, người dân còn được tham gia đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giáo dục và y tế trên địa bàn.

Công tác tổng hợp, phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo kết quả khảo sát sẽ được hoàn thành trước ngày 25/12/2026.

Nguồn: daibieunhandan.vn

THÁI NGUYÊN: "LUỒNG XANH 60%" - RÚT NGẮN THỜI GIAN CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Từ những hồ sơ cấp giấy phép xây dựng được giải quyết nhanh chóng, người dân phường Phan Đình Phùng (tỉnh Thái Nguyên) đang cảm nhận rõ hiệu quả của cải cách hành chính. Việc rút ngắn thời gian, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và ứng dụng công nghệ giúp quy trình cấp phép ngày càng thuận tiện, minh bạch, đúng quy định.

Sau khi chuẩn bị các điều kiện để xây dựng căn nhà mới, chị Đặng Thị Duyên, tổ 8, phường Phan Đình Phùng, nộp hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận Hành chính công.

Hồ sơ được kiểm tra, tiếp nhận; cán bộ chuyên môn nhanh chóng liên hệ để kiểm tra thực tế, đối soát hiện trạng khu vực xin cấp phép. Các khâu được phối hợp thực hiện liên tục, giúp chị Duyên nhận kết quả chỉ sau gần một tuần.

Theo danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế "Luồng xanh 60%" của Sở Xây dựng, tại cấp xã, thời gian cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV được rút từ 20 ngày xuống không quá 8 ngày; đối với nhà ở riêng lẻ, từ 15 ngày xuống không quá 6 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Phường Phan Đình Phùng là địa phương có số lượng hồ sơ cấp phép xây dựng lớn nhất tỉnh. Riêng 9 tháng năm 2026, phường đã tiếp nhận và giải quyết trên 800 hồ sơ.

Để đáp ứng thời gian giải quyết theo "Luồng xanh 60%" nhưng vẫn bảo đảm đúng quy hoạch và các quy định về xây dựng, phường tập trung kiểm soát ngay từ khâu tiếp nhận. Người dân được hướng dẫn chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ, kê khai chính xác, hạn chế phải bổ sung nhiều lần.

Ở khâu thẩm định, cán bộ chuyên môn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số; đồng thời phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong kiểm tra hiện trạng công trình, cung cấp thông tin phục vụ tham mưu cấp phép.

Theo anh Lê Đức Vương, Phó Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường Phan Đình Phùng, lĩnh vực này hiện chỉ có hai cán bộ trực tiếp phụ trách, đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ khác của địa phương. Vì vậy, việc phối hợp giữa các bộ phận được xác định là yếu tố quan trọng để bảo đảm tiến độ.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tham mưu chính về cấp giấy phép xây dựng; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trực tiếp kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở riêng lẻ. Hai đơn vị thường xuyên phối hợp rà soát hồ sơ cấp phép mới, cải tạo, sửa chữa, bảo đảm phù hợp quy hoạch và quy định liên quan.

Từ những hồ sơ cụ thể, cải cách hành chính được người dân cảm nhận bằng thời gian chờ đợi được rút ngắn, quy trình rõ ràng hơn và sự chủ động của cán bộ ở từng khâu.

Với địa bàn có khối lượng hồ sơ lớn như Phan Đình Phùng, việc tiếp tục hoàn thiện dữ liệu, nâng khả năng tra cứu, xác minh thông tin sẽ góp phần hỗ trợ quá trình cấp phép xây dựng ngày càng nhanh gọn, thuận tiện và chặt chẽ hơn.

Nguồn: baothainguyen.vn

PHÚ THỌ: TẠO CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT TRONG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Với quyết tâm chính trị cao, cách làm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tỉnh Phú Thọ đang từng bước đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào thực tiễn. Từ hoàn thiện thể chế, xây dựng dữ liệu, phát triển hạ tầng số đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo, những chuyển biến bước đầu đang tạo nền tảng cho đổi mới phương thức quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Từ quyết tâm đến hành động

Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá chiến lược, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư theo hướng quyết liệt, đồng bộ, rõ việc, rõ trách nhiệm.

Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh được kiện toàn, thống nhất đầu mối, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; đồng thời củng cố Tổ Giúp việc, các Tổ công tác, nâng cao hiệu quả tham mưu, điều phối, theo dõi và đôn đốc thực hiện.

Việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương được gắn với yêu cầu thực tiễn của địa phương, nhất là thúc đẩy tăng trưởng, sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương hai cấp, đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đến ngày 20/9/2026, toàn tỉnh theo dõi, tổng hợp 276 nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; trong đó 170 nhiệm vụ đã hoàn thành, đạt 61,6%; 7 nhiệm vụ đang thực hiện và 99 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên... Kết quả trên cho thấy tinh thần đưa nghị quyết vào cuộc sống đang được cụ thể hóa bằng tiến độ, sản phẩm và kết quả đầu ra.

Một trong những chuyển biến rõ nét là chuyển đổi số ngày càng gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

9 tháng năm 2026, toàn tỉnh tiếp nhận hơn 1,128 triệu hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó hơn 1 triệu hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, đạt 97,97%. Hơn 1 triệu hồ sơ đã được giải quyết, tỷ lệ đúng và trước hạn đạt 96,46%.

Định hướng "AI-First" cũng từng bước được triển khai, đưa trí tuệ nhân tạo trở thành công cụ hỗ trợ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và chuyển đổi số; việc ứng dụng AI đã góp phần giảm khoảng 50% thời gian tiếp nhận hồ sơ trực tuyến.

Cùng với cải cách thủ tục hành chính, tỉnh Phú Thọ xác định dữ liệu là nền tảng của quản trị hiện đại. Tỉnh ban hành Chiến lược dữ liệu đến năm 2030, Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung phiên bản 1.0; triển khai Chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu tỉnh. Nhiều cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, từng bước bảo đảm yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Đến nay, 100% dữ liệu đất đai được đồng bộ; 100% cơ sở giáo dục triển khai học bạ số; dữ liệu đảng viên được làm sạch.

Hạ tầng số tiếp tục được mở rộng. Cáp quang băng rộng đã phủ 100% xã, phường; 4G phủ 98% diện tích; 5G phủ 100% các đô thị trung tâm và khu công nghiệp, tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt hơn 67%, vượt chỉ tiêu năm 2026. Phú Thọ không còn thôn lõm sóng theo tiêu chí của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Từ hạ tầng, dữ liệu đến kỹ năng số, chuyển đổi số đang từng bước đi vào đời sống. Phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai với nhiều mô hình như "Tổ công nghệ số cộng đồng", "Gia đình số", "Chợ số - Nông thôn số", "Đại sứ số", "Làng số", góp phần đưa kỹ năng số đến gần hơn với người dân, nhất là tại cơ sở.

Khoa học, công nghệ gắn với thực tiễn

Nếu chuyển đổi số tạo nền tảng cho phương thức quản trị mới, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Phú Thọ định hướng ngày càng sát với yêu cầu phát triển.

Theo đồng chí Nguyễn Minh Tường - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, mô hình hợp tác "3 Nhà" - Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp - tiếp tục được xác định là hướng đi quan trọng, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là chủ thể nghiên cứu, chuyển giao; Nhà nước giữ vai trò định hướng, kết nối và tháo gỡ khó khăn.

Từ đó, nhiều mô hình ứng dụng công nghệ được triển khai trong sản xuất như trồng dưa lưới ứng dụng tưới nhỏ giọt, sản xuất nấm ăn giá trị kinh tế cao, trồng cây dược liệu, ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ số trong chăn nuôi, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp xanh, bền vững.

Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2025 của Phú Thọ đạt 41,10 điểm, xếp thứ 15/34 tỉnh, thành phố. Tỉnh đang hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, hướng tới hình thành đầu mối kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp và các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Trong quý IV/2026, tỉnh tiếp tục tập trung hoàn thiện dữ liệu, tái cấu trúc thủ tục hành chính, củng cố nhân lực số ở cơ sở, đẩy mạnh đào tạo về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghệ số, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ lực lượng chuyển đổi số cộng đồng.

Điều cốt lõi là chuyển đổi số không chỉ dừng ở đầu tư thiết bị hay xây dựng nền tảng, mà phải tạo ra thay đổi thực chất trong phương thức quản trị và chất lượng phục vụ.

Khi dữ liệu được kết nối, công nghệ được ứng dụng đúng chỗ, nhân lực được trang bị kỹ năng và trách nhiệm người đứng đầu được đề cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ trở thành động lực quan trọng để Phú Thọ phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Nguồn:baophutho.vn

TRUNG TÂM IOC VÀ NINHBINH-S: ĐƯA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN GẦN NGƯỜI DÂN

Từ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành đến những tiện ích số thiết thực trên điện thoại, tỉnh Ninh Bình đang từng bước đưa chuyển đổi số đi sâu vào hoạt động của chính quyền và đời sống người dân. Việc triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Ứng dụng Công dân số NinhBinh-S đang tạo nên những kết nối mới giữa dữ liệu, chính quyền và người dân.

Mỗi ngày, hoạt động quản lý nhà nước phát sinh một lượng lớn thông tin về kinh tế - xã hội, thu - chi ngân sách, đất đai, giáo dục, y tế, giải quyết thủ tục hành chính cũng như những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp… Khi những dữ liệu này nằm phân tán ở nhiều cơ quan, nhiều hệ thống riêng biệt, việc tổng hợp, đối chiếu để phục vụ chỉ đạo, điều hành mất nhiều thời gian.

Trung tâm IOC tỉnh Ninh Bình được xây dựng nhằm từng bước giải quyết bài toán đó. Thay vì chỉ tập hợp những con số, báo cáo riêng lẻ, hệ thống kết nối dữ liệu từ các ngành, lĩnh vực, tổng hợp, phân tích và trực quan hóa thông tin, giúp người quản lý có thêm căn cứ theo dõi tình hình và đưa ra quyết định.

Đến nay, IOC đã được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, vận hành trên môi trường trực tuyến và kết nối với một số cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quan trọng về tài chính - ngân sách, đất đai, giáo dục và Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Hơn 1.000 chỉ tiêu đã được cập nhật, trong đó khoảng 290 chỉ tiêu phục vụ điều hành IOC và 757 chỉ tiêu kinh tế - xã hội từ các sở, ngành, xã, phường.

Trong giai đoạn thử nghiệm, IOC tập trung vào 7 nhóm kịch bản điều hành: kinh tế - xã hội; tương tác chính quyền với người dân, doanh nghiệp; giám sát dịch vụ công; chỉ đạo, điều hành trực tuyến các nghị quyết, nhiệm vụ Trung ương giao; y tế; giáo dục và đất đai.

Theo đồng chí Tạ Quang Phương, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, việc triển khai IOC góp phần từng bước chuyển phương thức quản lý, điều hành sang dựa trên dữ liệu. Thay vì các báo cáo phản ánh tình hình tại từng thời điểm, dữ liệu tập trung cho phép theo dõi các chỉ tiêu theo nhiều lĩnh vực, cấp độ, giúp người quản lý nhận diện vấn đề và có thêm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành.

IOC hiện được vận hành thử nghiệm tại 13 xã, phường. Hơn 2.300 tài khoản đã được tạo lập cho cán bộ xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng. Việc kết nối tới cơ sở có ý nghĩa quan trọng, bởi đây vừa là nơi hình thành nhiều dữ liệu đầu vào, vừa là nơi trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh hằng ngày của người dân.

Nếu IOC tạo ra không gian dữ liệu phục vụ chính quyền thì ở chiều ngược lại, cần có một kênh để người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ và tương tác với cơ quan nhà nước. Đó là vai trò của Ứng dụng Công dân số NinhBinh-S. NinhBinh-S được xây dựng theo hướng hình thành một kênh tương tác hai chiều giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên thiết bị di động.

Trên ứng dụng, người dân có thể tiếp cận các nhóm tiện ích về phản ánh, kiến nghị; dịch vụ công; giao thông; truyền thông - tin tức; y tế; giáo dục; du lịch, văn hóa và tiện ích cá nhân. NinhBinh-S cũng từng bước kết nối các tiện ích như tra cứu phạt nguội, học bạ điện tử; thông tin trường học, bệnh viện, hiệu thuốc, địa điểm du lịch, sản phẩm OCOP, dịch vụ taxi...

Trong đó, phản ánh hiện trường là một trong những chức năng thiết thực của ứng dụng này. Khi phát hiện vấn đề về hạ tầng, môi trường hoặc dân sinh, người dân có thể sử dụng điện thoại ghi nhận hình ảnh, video, nhập nội dung và gửi phản ánh trên ứng dụng. Thông tin được tiếp nhận, phân loại, chuyển tới cơ quan có trách nhiệm; người gửi có thể theo dõi quá trình xử lý ngay trên môi trường số.

Ông Phạm Thành Công, Kỹ sư công nghệ thông tin, Viettel Ninh Bình cho biết: “NinhBinh-S được xây dựng để tạo kênh kết nối thuận tiện hơn giữa người dân với chính quyền. Ngoài phản ánh những vấn đề phát sinh, người dân có thể tiếp cận thông tin cảnh báo và nhiều dịch vụ, tiện ích phục vụ cuộc sống”.

Việc cài đặt khá đơn giản, người sử dụng điện thoại thông minh tìm kiếm NinhBinh-S trên kho ứng dụng của hệ điều hành Android hoặc iOS, tải về và thiết lập tài khoản theo hướng dẫn. Sau khi đăng nhập, người dùng lựa chọn chức năng phù hợp với nhu cầu.

Với phản ánh hiện trường, quy trình tương tác được hình thành khá rõ: người dân gửi thông tin - cơ quan nhà nước tiếp nhận - chuyển cơ quan có trách nhiệm xử lý - kết quả được cập nhật trở lại trên môi trường số.

Từ ngày 30/9/2026, hệ thống đã triển khai việc phân loại, điều phối, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân. Đến hết ngày 5/10, tại 13 xã, phường thử nghiệm đã có 36.342

tài khoản cài đặt ứng dụng NinhBinh-S. Một số địa phương có tỉ lệ cài đặt cao như các xã Giao Bình, Minh Tân, Bình An, Kim Đông.

Kim Đông là một trong 13 xã, phường được lựa chọn triển khai thử nghiệm IOC và NinhBinh-S và hiện là địa phương có tỉ lệ người trưởng thành đăng ký ứng dụng NinhBinh-S khá cao.

Đồng chí Vũ Minh Hiệu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Đông chia sẻ: "Trước khi đưa các nền tảng vào sử dụng, cán bộ, công chức, viên chức xã và thành viên các Tổ Công nghệ số cộng đồng được tập huấn trực tiếp theo phương châm "cầm tay chỉ việc", từ đăng nhập, khai thác chức năng đến cập nhật dữ liệu và xử lý những tình huống phát sinh".

Cùng với lực lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng, xã cũng phối hợp với Đồn Biên phòng Kim Sơn, Công an xã khi triển khai hướng dẫn người dân cài đặt VNeID mức độ 2 sẽ cài đặt đồng thời ứng dụng NinhBinh-S. Trong đó phát huy tốt vai trò Đội vận động quần chúng của Đồn Biên phòng Kim Sơn tuyên truyền, vận động, hướng dẫn ngư dân, người đi làm ăn xa. Đồng thời giao cho các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hướng dẫn, phổ biến cho các em học sinh để cài đặt, hỗ trợ người thân cài đặt.

Với những cách làm đồng bộ, toàn xã đã có trên 1.283 tài khoản đăng ký NinhBinh-S, đạt gần 22% dân số trưởng thành, xếp thứ 4 trong 13 xã, phường triển khai thử nghiệm.

Thời gian qua, tỉnh Ninh Bình triển khai chuyển đổi số đồng thời trên ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó việc số hóa quy trình, dữ liệu và hoạt động phục vụ người dân tiếp tục được đẩy mạnh.

Riêng trong quý III/2026, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 458.802 hồ sơ thủ tục hành chính, giải quyết 442.102 hồ sơ; trong đó 440.225 hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, đạt 99,15%. Tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 94%; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu đạt 96,9%. Đến nay, tỉnh đã hoàn thành 30/42 nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, đạt 71,4%.

Kết quả trên cho thấy khối lượng dữ liệu và giao dịch hành chính được xử lý trên môi trường số ngày càng lớn. Đây cũng là cơ sở để những nền tảng như IOC và NinhBinh-S phát huy hiệu quả khi dữ liệu giữa các hệ thống từng bước được kết nối và quá trình tương tác giữa người dân với cơ quan nhà nước được thực hiện trên cùng môi trường số. Việc triển khai các giải pháp công nghệ như IOC hay NinhBinh-S góp phần cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực mới, xây dựng Ninh Bình phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Tuy vậy, từ một hệ thống được đưa vào vận hành đến một hệ thống thực sự hữu ích vẫn còn một khoảng cách. Với IOC, giá trị nằm ở khả năng biến dữ liệu thành thông tin phục vụ kịp thời cho chỉ đạo, điều hành. Với NinhBinh-S, thước đo không chỉ là số lượt cài đặt, mà còn là số người sử dụng thường xuyên, số phản ánh được xử lý và những tiện ích thực sự giúp người dân tiết kiệm thời gian, công sức.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện, mở rộng kết nối và chuẩn hóa dữ liệu, hiệu quả của IOC và NinhBinh-S sẽ phụ thuộc nhiều vào cách các nền tảng này được khai thác

trong thực tiễn. Khi dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời; khi phản ánh của người dân được tiếp nhận, xử lý và phản hồi rõ ràng hay các tiện ích số ngày càng sát với nhu cầu hằng ngày, công nghệ mới thực sự trở thành công cụ phục vụ quản lý và phục vụ người dân.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

NGHỆ AN ĐƯA KHO DỮ LIỆU DÙNG CHUNG VÀ NỀN TẢNG ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH VÀO CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vừa ban hành Công văn số 13136/UBND-VX yêu cầu các đơn vị liên quan về việc đưa Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng điều hành thông minh tỉnh Nghệ An vào khai thác, phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp chủ trì điều phối kỹ thuật và các doanh nghiệp liên quan lập kế hoạch và triển khai đưa Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng điều hành thông minh tỉnh Nghệ An vào khai thác, sử dụng, hoàn thành trước ngày 15/10/2026.

Trong đó, tập trung vào các lĩnh vực, nhóm dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, (gồm: Tăng trưởng GRDP; Thu ngân sách nhà nước; Giải ngân vốn đầu tư công; Giải phóng mặt bằng; Cải cách hành chính; Nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW; Công trình, dự án trọng điểm; Kết nạp đảng viên mới; Kinh tế - xã hội) và các nhóm dữ liệu ưu tiên cập nhật trong giai đoạn hiện nay (gồm: Chi ngân sách nhà nước; Dự án đầu tư ngoài ngân sách; Các dự án tồn đọng, chậm tiến độ; Giải phóng mặt bằng).

Cùng với đó, chủ trì xây dựng Quyết định ban hành quy chế tạm thời về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của tỉnh Nghệ An, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày 12/10/2026. Quy chế quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý, đơn vị vận hành hệ thống; trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu trong cập nhật và bảo đảm chất lượng dữ liệu; nguyên tắc, quy trình kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; phân quyền truy cập; bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin; chế độ kiểm tra, báo cáo và xử lý trách nhiệm khi vi phạm.

Đồng thời, chủ trì điều phối việc vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng điều hành thông minh tỉnh Nghệ An; hằng tháng theo dõi, đánh giá, công khai mức độ cập nhật, chất lượng dữ liệu và mức độ khai thác của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh và các sở, ngành, địa phương xây dựng phương án, lộ trình kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa Kho dữ liệu dùng chung với: Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12); Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, xử lý vi phạm và điều hành giao thông; Hệ thống camera, thiết bị quan trắc, cảm biến của các sở, ngành, địa phương và các hệ thống số khác. Lộ trình xác định rõ danh mục dữ liệu, phạm vi, phương thức kết nối, đơn vị chủ trì, thời hạn và

các điều kiện bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/10/2026.

Giao Công an tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng lộ trình kết nối, đồng bộ dữ liệu hệ thống camera giám sát với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; là đầu mối cùng với doanh nghiệp đồng hành làm việc với Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12).

Cung cấp thông tin hiện trạng, kế hoạch triển khai hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 720/KH-UBND ngày 05/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất phương án chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung phù hợp yêu cầu bảo đảm an ninh mạng và bảo mật dữ liệu. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về phân loại dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong quá trình kết nối, đồng bộ, khai thác dữ liệu.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu bố trí kinh phí để đầu tư, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng điều hành thông minh tỉnh Nghệ An đảm bảo theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và với vai trò là đơn vị chủ quản các hệ thống số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có trách nhiệm tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Kho dữ liệu dùng chung (ưu tiên kết nối, đồng bộ tự động từ hệ thống chuyên ngành; trường hợp chưa kết nối được thì cập nhật trực tiếp trên công cụ được thiết kế trên kho dữ liệu dùng chung); bảo đảm dữ liệu "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung".

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, kịp thời của dữ liệu do đơn vị mình cung cấp, cập nhật.

Ủy ban nhân dân tỉnh lưu ý, không đầu tư mới, nâng cấp kho dữ liệu, bảng điều hành (dashboard) riêng trùng lặp chức năng với Kho dữ liệu dùng chung và Nền tảng điều hành thông minh tỉnh Nghệ An; trường hợp cần thiết phải có ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh và khả năng kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung.

MobiFone Nghệ An (đơn vị chủ trì điều phối kỹ thuật) tiếp tục hoàn thiện kho dữ liệu và nền tảng điều hành số theo đúng Khung Kiến trúc dữ liệu, Khung Quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và của tỉnh; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan về thiết kế, xây dựng và vận hành các hệ thống số; bảo đảm hệ thống vận hành ổn định, liên tục, an toàn; bố trí đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

VNPT Nghệ An, Viettel Nghệ An theo phạm vi quản trị kỹ thuật các hệ thống số của cơ quan nhà nước phối hợp trích xuất, kết nối dữ liệu vào Kho khi được cơ quan chủ quản đồng ý. Toàn bộ dữ liệu thuộc sở hữu của cơ quan nhà nước; doanh nghiệp không sử dụng dữ liệu cho mục đích khác.

Nguồn: vnanet.vn

HUẾ: LẮNG NGHE Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG, TẠO ĐỘT PHÁ TRONG THU HÚT ĐẦU TƯ BẰNG NỀN TẢNG SỐ

Sáng ngày 09/10/2026, Ủy ban Nhân dân thành phố Huế tổ chức Lễ công bố và đưa vào khai thác ba nền tảng số: Hiến kế, Hỗ trợ doanh nghiệp và Bản đồ số dự án thu hút đầu tư.

Ba nền tảng được xây dựng gắn với những nhu cầu thiết thực: tiếp nhận ý tưởng, giải pháp cho sự phát triển của thành phố; giúp doanh nghiệp phản ánh khó khăn và theo dõi quá trình giải quyết; hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận thông tin các dự án ngoài ngân sách.

Lắng nghe và phản hồi hiến kế của người dân

Chuyên mục Hiến kế trên ứng dụng Hue-S tạo thêm kênh để người dân, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức đóng góp ý tưởng, sáng kiến, giải pháp có tính xây dựng. Những đề xuất thiết thực, có tính khả thi được xem xét để vận dụng trong công tác quản lý, xây dựng kế hoạch, chương trình hoặc các nhiệm vụ, dự án cụ thể.

Để gửi hiến kế, người sử dụng truy cập chuyên mục "Hiến kế" trên Hue-S, thực hiện định danh, xác thực bằng VNeID theo chức năng tích hợp của hệ thống; lựa chọn lĩnh vực, nhập tiêu đề, nội dung và có thể đính kèm tài liệu, hình ảnh, video hoặc vị trí liên quan. Người gửi được lựa chọn công khai hoặc không công khai nội dung và thông tin cá nhân, đồng thời theo dõi trạng thái xử lý, xem phản hồi trên nền tảng.

Trong thời hạn 2 ngày kể từ thời điểm tiếp nhận hiến kế trên hệ thống, cơ quan, đơn vị được giao xử lý phải nghiên cứu, xem xét và cập nhật nội dung phản hồi. Thông tin phản hồi nêu rõ tình hình, kết quả triển khai đối với đề xuất đã hoặc đang thực hiện; nội dung đang nghiên cứu, tham mưu hoặc xem xét khả năng áp dụng đối với đề xuất chưa triển khai.

Đối với nền tảng Hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp đăng ký, xác thực tài khoản và khai báo đầy đủ thông tin theo yêu cầu của hệ thống để gửi kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nội dung kiến nghị cần rõ ràng, chính xác, kèm tài liệu liên quan nếu có; tiến độ và kết quả xử lý được cập nhật để doanh nghiệp theo dõi.

Thời gian tiếp nhận kiến nghị là 30 phút tính từ khi hệ thống ghi nhận hợp lệ. Đối với kiến nghị gửi trong khung giờ từ 21 giờ đến 7 giờ 30 phút ngày làm việc tiếp theo, hệ thống tự động ghi nhận; việc tiếp nhận, phân loại và phân phối được thực hiện vào khung giờ làm việc tiếp theo.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận kiến nghị, cơ quan, đơn vị được giao xử lý phải xác định thẩm quyền. Đối với nội dung đúng thẩm quyền, thời gian kiểm tra, xác minh, xử lý và cập nhật kết quả tối đa 6 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp cần thêm thời gian xác minh, việc gia hạn phải nêu rõ nội dung cần kiểm tra và thời gian gia hạn, không vượt quá 7 ngày làm việc tiếp theo. Kết quả sau đó được phê duyệt, biên tập và công khai theo quy trình.

Trong khi đó, Bản đồ số dự án thu hút đầu tư là kênh thông tin chính thức, tập trung, giúp nhà đầu tư tìm hiểu vị trí, quy mô, lĩnh vực, hiện trạng và các thông tin liên quan đến dự án được công khai theo quy định.

Dữ liệu được rà soát, cập nhật theo chức năng của các sở, ngành và địa phương, bao gồm thông tin chung về dự án, quy hoạch xây dựng, đất đai, hiện trạng khu đất và tình hình triển khai. Thành phố hướng tới tạo điều kiện để nhà đầu tư đăng ký quan tâm, trao đổi thông tin và theo dõi quá trình phối hợp xử lý trên môi trường số, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Mọi ý kiến đều phải được trân trọng

Chủ tịch Ủy ban Nhân thành phố Lê Trí Thanh cho biết việc triển khai ba ứng dụng trên nền tảng Hue-S nhằm tạo phương thức tương tác thuận tiện, công khai, minh bạch, chuyển những mong muốn, đề xuất của người dân, doanh nghiệp thành mục tiêu, giải pháp cụ thể.

Đối với Hiến kế, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố mong muốn tạo không gian để người dân, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, những người con xa quê và người yêu Huế trong nước, nước ngoài có thể đóng góp ý tưởng mọi lúc, mọi nơi.

Chủ tịch Ủy ban Nhân thành phố Lê Trí Thanh cho biết các ý kiến cần được trân trọng, tiếp nhận và nghiên cứu, từng bước hình thành kho tri thức phục vụ công tác quản lý, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển thành phố.

Đối với Hỗ trợ doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố nhấn mạnh tinh thần xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, chủ động đồng hành với doanh nghiệp trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và cập nhật tiến độ để quá trình xử lý kiến nghị được theo dõi, giám sát rõ ràng.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố cũng định hướng tích hợp ứng dụng với quy trình giải quyết thủ tục hành chính của doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đối với Bản đồ số dự án thu hút đầu tư, Chủ tịch Ủy ban Nhân thành phố Lê Trí Thanh yêu cầu chủ động cung cấp thông tin tập trung trên môi trường số, giúp nhà đầu tư thuận tiện nghiên cứu, lựa chọn cơ hội đầu tư. Thông tin về vị trí dự án, quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng và các yếu tố liên quan cần được cập nhật, phục vụ quá trình tìm hiểu và đề xuất đầu tư.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố mong muốn người dân, doanh nghiệp, các tổ chức và cơ quan thông tin, truyền thông chia sẻ, đồng hành, tích cực đóng góp ý kiến, giúp thành phố nâng cao chất lượng phục vụ, củng cố niềm tin và đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển.

Nguồn: vietnamplus.vn

LÂM ĐỒNG YÊU CẦU HOÀN THÀNH XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ TRONG NĂM 2026

Ngày 9/10/2026, lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, phấn đấu hoàn thành trong năm 2026; không để tài sản bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả hoặc sai quy định.

Cụ thể, thực hiện Công điện số 68/CĐ-TTg ngày 07/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đã có văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị rà soát đầy đủ hiện trạng, hồ sơ pháp lý và phương án xử lý từng cơ sở; tập trung xử lý ngay các cơ sở bỏ trống quá 12 tháng đã được cơ quan thanh tra chỉ ra, không để chậm trễ do thủ tục hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì làm việc trực tiếp với các địa phương để hướng dẫn phương án xử lý, tháo gỡ vướng mắc, xác định nguyên nhân và trách nhiệm đối với các trường hợp chậm triển khai; theo dõi, đôn đốc cập nhật dữ liệu và phối hợp tham mưu xử lý trách nhiệm các đơn vị vi phạm.

Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc về pháp lý đất đai, diện tích, ranh giới và hiện trạng sử dụng đất. Sở Xây dựng hướng dẫn đánh giá hiện trạng công trình, khả năng cải tạo, chuyển đổi công năng; chỉ đạo Trung tâm Quản lý nhà tỉnh xây dựng phương án quản lý, khai thác, cho thuê tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính tham mưu xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với người đứng đầu và xử lý trách nhiệm các trường hợp chây ỳ, né tránh. Thanh tra tỉnh theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra, nhất là đối với các cơ sở bỏ trống quá 12 tháng.

Ủy ban Nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý; kịp thời tháo gỡ khó khăn, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Các trường hợp gây khó dễ, nhũng nhiễu hoặc có biểu hiện tiêu cực sẽ bị xem xét xử lý theo quy định.

Trước đó tại cuộc họp báo ngày 8/10/2026, ông Nguyễn Trần Nhật Huy, Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cho biết, công tác thống kê và xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư là nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm của các địa phương.

Theo thống kê, đến ngày 30/9/2026 qua thống kê từ các địa phương, toàn tỉnh có 1.238 cơ sở nhà, đất dôi dư; trong đó, 428 cơ sở đã được xử lý xong. Tổng số nhà đất dôi dư trên địa bàn tỉnh còn 810 cơ sở tiếp tục được theo dõi và xử lý.

Ông Nguyễn Trần Nhật Huy thông tin rõ trong 810 cơ sở này, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định, giao các địa phương quản lý và khai thác 534 cơ sở.

Hiện, cấp xã đang rà soát, quyết định phương án sử dụng 207 cơ sở theo thẩm quyền, gồm bố trí làm cơ sở nhà nước, cho thuê hoặc khai thác theo quy định. Toàn tỉnh còn lại 53 cơ sở chưa được ban hành quyết định xử lý; có 16 cơ sở nhà, đất của các bộ, ngành Trung ương chưa chuyển giao cho tỉnh.

Sở Tài chính là đơn vị chủ trì thực hiện yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy, định kỳ 2 tuần sẽ tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư 1 lần theo quy định. Tiến độ xử lý hiện đang được các đơn vị thực hiện theo đúng quy định với tinh thần rất khẩn trương…

Nguồn: vietnamplus.vn

GIA LAI ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU SỐ

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, trong tháng 9 và 9 tháng năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng chiến lược; cải thiện môi trường đầu tư, phát triển du lịch, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đáng chú ý, tỉnh tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, điều hành theo hướng giảm khâu trung gian, tăng trách nhiệm và sử dụng dữ liệu làm cơ sở đánh giá, phân công, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Một trong những điểm nhấn trong công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh là việc chuyển mạnh từ phương thức quản lý dựa trên văn bản sang điều hành dựa trên dữ liệu, gắn với yêu cầu nâng cao trách nhiệm và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Hệ thống Văn phòng điện tử được bổ sung 4 tính năng phục vụ trực tiếp việc giao việc, lấy ý kiến và phối hợp xử lý. Sau hơn 3 tháng triển khai, hệ thống đã phát sinh 6.351 lượt xử lý thay thế tương ứng cho 6.351 văn bản hành chính; trong đó có 6.101 lượt bút phê giao việc, ước tiết kiệm khoảng 3.176 giờ làm việc.

Tỉnh Gia Lai cũng đã triển khai Hệ thống KPI kết nối, khai thác dữ liệu từ Hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống theo dõi nhiệm vụ và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Hệ thống tự động ghi nhận khối lượng, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị.

Trên nền tảng dữ liệu này, tỉnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích khối lượng, chất lượng, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; xác định những bất hợp lý trong phân công, tổ chức công việc, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và bố trí, sử dụng đội ngũ.

Đặc biệt, trên cơ sở kết quả KPI quý III/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã trực tiếp làm việc với một số cơ quan, đơn vị có khối lượng công việc lớn để đánh giá thực chất khối lượng, chất lượng công việc; chỉ đạo rà soát, điều chỉnh phân công, giảm khâu trung gian, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực và yêu cầu nhiệm vụ.

Qua đó, KPI từng bước trở thành công cụ cung cấp dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành, phân công công việc và sử dụng đội ngũ, thay vì chỉ dừng ở việc chấm điểm, xếp loại.

Những kết quả trên cho thấy tỉnh Gia Lai đang đồng thời đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh; qua đó tạo thêm nguồn lực cho tăng trưởng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: vnanet.vn

ĐỒNG NAI: THÊM CÁCH PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN TỐT HƠN

Một căn phòng với bàn ghế gỗ tròn, có phục vụ trà, cà phê và cán bộ trực tiếp hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hố Nai, khu vực thân thiện là cách làm mới được đưa vào phục vụ người dân, bên cạnh khu vực tiếp nhận hồ sơ thông thường. Không gian này được bố trí để người dân có thể ngồi nghỉ ngơi, được hướng dẫn kê khai và hoàn thiện hồ sơ trong không gian thoải mái hơn.

Không gian thân thiện

Lần đầu đến Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hố Nai làm thủ tục hành chính, chị Huỳnh Thị Hóa (ở phường Hố Nai) khá hồi hộp. Là người Việt từ Campuchia trở về phường sinh sống, chị đến trung tâm làm giấy khai sinh cho con. Đây cũng là lần đầu tiên chị đến cơ quan chính quyền để thực hiện thủ tục hành chính.

"Trước khi đi tôi khá hồi hộp và lo lắng. Nhưng đến đây thấy cán bộ vui vẻ, tận tình nên tôi bớt e ngại" - chị Huỳnh Thị Hóa chia sẻ. Điều khiến chị Hóa bất ngờ còn là không gian tiếp dân. Trong trung tâm có khu vực thân thiện. Thay cho những dãy ghế dài thường thấy ở nơi chờ làm thủ tục, căn phòng có những bộ bàn ghế gỗ tròn, ghế ngồi có đệm thoải mái. Một góc phòng đặt cà phê, trà, nước uống để người dân có thể dùng khi ngồi chờ hoặc trao đổi với cán bộ.

"Không gian ở đây gần gũi và thân thiện. Người dân có thể ngồi xuống, nói rõ nhu cầu, được cán bộ hướng dẫn. Tôi có cảm giác như đang ngồi uống cà phê, uống trà và được hướng dẫn công việc hơn là đi làm thủ tục hành chính" - chị Huỳnh Thị Hóa nói.

Khu vực thân thiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hố Nai chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/9/2026. Đây là mô hình mới được phường triển khai nằm trong đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm được thành phố phát động.

Theo anh Trịnh Văn Lâm, cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công phường, người dân khi đến trung tâm sẽ được cán bộ tìm hiểu nhu cầu, phân luồng và hướng dẫn đến khu vực phù hợp. Với những hồ sơ cần hỗ trợ, người dân được đưa vào khu vực thân thiện. Cán bộ trực tiếp hướng dẫn viết hồ sơ, hỗ trợ thao tác trên máy tính, nhập dịch vụ công trực tuyến. Khi hồ sơ hoàn tất, người dân được chuyển sang quầy nghiệp vụ để kiểm tra và nhận thông tin về kết quả.

"Việc tách riêng khu vực này giúp người dân có chỗ ngồi yên tĩnh để hoàn thiện hồ sơ. Với những thủ tục cần chờ từ 30 phút đến 1 tiếng đồng hồ, người dân có thể nghỉ ngơi, uống nước hoặc cà phê trong lúc chờ. Cách làm này phù hợp với thực tế người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Người trẻ thường chỉ cần hướng dẫn qua là có thể tự thao tác. Trong khi đó, người lớn tuổi, nhất là nhóm từ 70-80 tuổi, còn gặp khó khăn khi sử dụng máy tính, internet nên cần cán bộ hỗ trợ nhiều hơn. Có không gian thoải mái, yên tĩnh, các bác sẽ thoải mái khi được hướng dẫn" - anh Trịnh Văn Lâm nói.

Theo anh Bùi Quyết Thắng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hố Nai, mô hình này xuất phát từ mong muốn đổi mới cách phục vụ trong cải cách hành chính.

Không chỉ giải quyết hồ sơ đúng quy định, cán bộ còn chú trọng hướng dẫn, hỗ trợ để người dân và doanh nghiệp cảm thấy thuận tiện, thoải mái hơn khi đến giao dịch. Sau hơn 1 tháng triển khai, tỷ lệ đánh giá hài lòng của người dân và doanh nghiệp qua quét mã QR và đánh giá trực tiếp đều đạt trên 95%.

Anh Bùi Quyết Thắng cho biết thêm, tinh thần phục vụ được đội ngũ cán bộ, công chức đặt lên hàng đầu, với quan điểm làm hết việc chứ không hết giờ. Trung tâm vẫn duy trì làm cả thứ Bảy, thậm chí nếu cần làm thêm giờ và cả Chủ nhật để giải quyết công việc, phục vụ người dân tốt hơn. Trung tâm tiếp tục lắng nghe ý kiến đóng góp của lãnh đạo và người dân, doanh nghiệp để hoàn thiện mô hình, giúp việc giao dịch hành chính thuận tiện hơn.

Phục vụ người dân phải đi vào thực chất

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Hố Nai Nguyễn Quốc Vũ cho rằng: Một mô hình chính quyền thân thiện sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu chỉ đẹp ở hình thức.

"Ở Hố Nai, yêu cầu đặt ra là giải quyết hồ sơ nhanh nhất có thể; hướng dẫn phải cụ thể, chu đáo cho người dân. Trong điều kiện ngân sách phường còn hạn chế, địa phương linh hoạt vận động xã hội hóa, huy động doanh nghiệp hỗ trợ cơ sở vật chất, từ bàn ghế đến cà phê, nước uống phục vụ nhân dân. Nhưng điều quan trọng không chỉ nằm ở những tiện ích được bố trí thêm mà còn ở việc đổi mới cách phục vụ, để người dân được hỗ trợ tốt hơn và hài lòng hơn khi đến giao dịch" - ông Nguyễn Quốc Vũ chia sẻ.

Cải cách hành chính ở Hố Nai còn được mở rộng sang cách chính quyền đồng hành với doanh nghiệp. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cao Duy Thái cho biết: Từ ngày 01/8/2026, phường tổ chức chương trình Cà phê sáng với doanh nhân, với sự tham gia của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, ngân hàng và nhiều đơn vị trên địa bàn.

Theo ông Cao Duy Thái, phường đang định hướng phát triển hoạt động này thành Hiệp hội doanh nghiệp phường Hố Nai, làm cầu nối giữa chính quyền và doanh nghiệp. Các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp được phân nhóm theo từng lĩnh vực để có hướng hỗ trợ phù hợp. Sinh hoạt định kỳ hằng tháng tạo điều kiện để doanh nghiệp trao đổi trực tiếp với Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Qua những buổi gặp gỡ này, lãnh đạo phường trực tiếp lắng nghe khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, trao đổi, cùng tìm hướng tháo gỡ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển.

Khu vực thân thiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hố Nai sẽ tiếp tục được rà soát, điều chỉnh từ thực tế phục vụ người dân. Phường duy trì việc lắng nghe, trao đổi và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Những cách làm này đang được tiếp tục hoàn thiện, với mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nguồn: baodongnai.cm.vn

AN GIANG: ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CÁN BỘ BỊ ẢNH HƯỞNG DO THAY ĐỔI NƠI LÀM VIỆC SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Ngày 07/10/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang họp, xem xét phương án chính sách hỗ trợ cán bộ sau sắp xếp đơn vị hành chính cùng một số nội dung về đất đai, an sinh xã hội và truyền thông cơ sở.

Theo dự thảo, khoảng 4.074 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị tác động do thay đổi trụ sở làm việc, có khoảng cách từ 10 km trở lên, được đề xuất hỗ trợ chi phí đi lại, sinh hoạt và lưu trú.

Cụ thể, người có khoảng cách từ 10 km đến dưới 15 km được đề xuất hỗ trợ 700.000 đồng/người/tháng tiền đi lại; từ 15 km trở lên là 1 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, mức hỗ trợ sinh hoạt phí được đề xuất là 1 triệu đồng và hỗ trợ lưu trú 500.000 đồng/người/tháng.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các xã hải đảo, mức đề xuất gồm 1 triệu đồng chi phí đi lại, 1 triệu đồng sinh hoạt phí và 500.000 đồng lưu trú mỗi tháng.

Tổng kinh phí dự kiến khoảng 9,68 tỷ đồng/tháng, tương đương 116,16 tỷ đồng/năm và 232,32 tỷ đồng nếu chính sách được thực hiện trong 2 năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tiếp tục trình Thường trực Tỉnh ủy phương án xây dựng chính sách hỗ trợ này.

Tại phiên họp, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng xem xét việc bổ sung bảng giá đất năm 2026; giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 4 dự án tại đặc khu Phú Quốc và dự thảo chính sách hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Nguồn: baochinhphu.vn

SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ TẠI CẦN THƠ

Ngày 06/10/2026, Đoàn kiểm tra chuyên ngành năm 2026 của Bộ Nội vụ đã làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhằm kiểm tra công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, tinh giản biên chế, thực hiện phân cấp, phân quyền và xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn.

Báo cáo với Đoàn kiểm tra, Phó Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ Lâm Tiến Thạch cho biết, địa phương hiện có 103 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 31 phường, 72 xã. Đến nay, 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố, 100% đơn vị hành chính

cấp xã đã hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn cũng như Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Trong công tác sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, Cần Thơ đã ban hành 38 quyết định sáp nhập, giải thể, tổ chức lại. Thành phố đã thành lập 103 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã, đồng thời chuyển giao 103 trạm y tế về Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý. Đặc biệt, trong ngành Giáo dục, địa phương đã quyết liệt rà soát, giảm từ 1.156 xuống còn 406 cơ sở (giảm 750 cơ sở, đạt 64,88%).

Đối với hệ thống giáo dục nghề nghiệp, thành phố hoàn thành đề án sáp nhập 7 trường cao đẳng thành 3 trường và đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện toàn thành phố còn 745 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm 199 đơn vị cấp thành phố và 546 đơn vị cấp xã.

Việc thu gọn đầu mối đã hạn chế tình trạng manh mún, trùng lắp nhiệm vụ, tăng tỷ lệ nhóm chuyên môn và giảm bớt bộ phận lãnh đạo, phục vụ; qua đó, góp phần cải thiện rõ rệt Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số Hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 của thành phố.

Thực hiện phân cấp, phân quyền theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, cấp tỉnh của thành phố Cần Thơ đã tiếp nhận 949 nhiệm vụ từ Trung ương. Từ 01/7/2025 đến 30/9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 28 quyết định phân cấp và 61 quyết định ủy quyền cho các sở, ngành và ủy ban nhân dân cấp xã.

Về quản lý biên chế năm 2026, Hội đồng nhân dân thành phố đã giao tổng biên chế khối chính quyền là 53.692 chỉ tiêu, giảm 8.663 chỉ tiêu so với năm 2025. Trong đó, biên chế công chức thành phố và cấp xã là 6.579 chỉ tiêu (giảm 33,9%), gồm 2.145 biên chế cấp thành phố (hiện có 2.110 người) và 4.434 biên chế cấp xã (hiện có 4.332 người).

Trong công tác tinh giản biên chế theo các nghị định của Chính phủ, Cần Thơ đã giải quyết 5.247 trường hợp theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; 2.602 trường hợp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP... Để kiện toàn lực lượng cơ sở, thành phố đã tiếp nhận 489 trường hợp đủ điều kiện vào công chức cấp xã, đồng thời điều động, luân chuyển 736 trường hợp (gồm 192 trường hợp từ các sở, ngành về xã, phường và 544 trường hợp điều động ngang giữa các địa phương).

Nêu lên một số khó khăn từ cơ sở, ông Lâm Tiến Thạch cho biết, việc đẩy mạnh tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục còn gặp trở ngại. Công tác phân cấp, ủy quyền vướng một số thể chế chồng chéo. Bên cạnh đó, khối lượng công việc ở cấp xã tăng cao sau sáp nhập gây áp lực lớn cho đội ngũ công chức. Lãnh đạo Sở Nội vụ Cần Thơ kiến nghị Bộ Nội vụ tiếp tục hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn về thể chế và biên chế để mô hình chính quyền địa phương hai cấp vận hành hiệu lực, hiệu quả.

Đoàn kiểm tra ghi nhận, đánh giá cao những nỗ lực cùng kết quả tích cực của Cần Thơ sau hơn một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành và chính quyền cấp xã thực hiện tốt quy định về sắp xếp bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp, đặc biệt là sự quyết tâm tinh gọn các cơ sở giáo dục.

Tuy nhiên, tinh gọn đầu mối mới là bước đầu. Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 37/NQ-CP, Đoàn kiểm tra đề nghị Cần Thơ cần tập trung quy hoạch không gian, hạ tầng trường lớp, khắc phục triệt để tình trạng thừa - thiếu giáo viên cục bộ, tuyệt đối không coi việc sắp xếp trường lớp là cơ hội để dồn giáo viên vào diện tinh giản biên chế.

Đối với cán bộ quản lý thôi giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ thấp hơn, cần chủ động bố trí sang giảng dạy hoặc vị trí công tác phù hợp. Đồng thời, hai ngành Giáo dục và Nội vụ cần phối hợp chặt chẽ để hoàn thiện định mức biên chế phù hợp với mô hình trường liên cấp và trường quy mô lớn.

Về quản lý biên chế, thành phố Cần Thơ cần rà soát chính xác số lượng viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý hành chính, đánh giá toàn diện chất lượng đội ngũ để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao. Địa phương cần tuân thủ nghiêm Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức mới, lấy vị trí việc làm làm trung tâm và nghiên cứu phương thức quản trị hiện đại.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ Lê Công Lý cho biết, sau khi sáp nhập và trải qua hơn 1,5 năm triển khai mô hình mới, Cần Thơ đã nỗ lực từng bước ổn định tổ chức, bảo đảm sự liên tục trong công tác lãnh đạo, điều hành. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố đã có sự cải thiện rõ rệt, từ mức xếp thứ 31 trong quý II đã nâng lên vị trí 24 trong tổng số 34 tỉnh, thành phố (tốc độ tăng trưởng đạt 9,29%).

Tiếp thu các ý kiến góp ý của Đoàn kiểm tra, lãnh đạo thành phố Cần Thơ khẳng định tinh thần chấp hành nghiêm túc các chủ trương của Trung ương. Thời gian tới, thành phố sẽ tiếp tục quy hoạch đầu tư hạ tầng và nguồn nhân lực y tế cơ sở; nghiên cứu xây dựng đề án thành lập thêm phòng chuyên môn tại các địa bàn công nghiệp trọng điểm đang bị quá tải; nghiêm túc rút ngắn lộ trình sắp xếp, điều chuyển cấp phó; tập trung phân loại, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW; đồng thời nghiên cứu đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công và chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề án tự chủ tài chính linh hoạt...

Nguồn: baotintuc.vn

ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ NHÂN TÀI VÀ THU HÚT, TRỌNG DỤNG, PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU QUẢN TRỊ QUỐC GIA TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, từ dựa nhiều vào vốn, lao động chi phí thấp và khai thác tài nguyên sang dựa chủ yếu vào năng suất, tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Trong bối cảnh đó, quản trị quốc gia không chỉ là quản lý xã hội bằng công cụ hành chính, mà là năng lực kiến tạo thể chế, tổ chức nguồn lực, xử lý những vấn đề phức hợp và tạo lập động lực phát triển mới. Nhân tài, vì vậy, không còn là đối tượng của một chính sách nhân sự đơn lẻ, mà trở thành nguồn lực chiến lược, gắn trực tiếp với năng lực cạnh tranh quốc gia và chất lượng thực thi đường lối phát triển đất nước.

Ở tầm chiến lược, công tác nhân tài cần được nhận thức như một nội dung của năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Nếu thể chế là "đường ray" của phát triển, khoa học - công nghệ là "động cơ" của tăng trưởng mới, thì nhân tài chính là chủ thể thiết kế, vận hành và đổi mới cả đường ray lẫn động cơ ấy. Do đó, đổi mới tư duy về nhân tài không chỉ là yêu cầu của quản trị nguồn nhân lực, mà là điều kiện để chuyển hóa đường lối phát triển thành năng lực thực thi quốc gia, bảo đảm đất nước không tụt hậu trong cạnh tranh chiến lược toàn cầu.

Thực tiễn cho thấy, cạnh tranh phát triển giữa các quốc gia ngày càng là cạnh tranh về thể chế, công nghệ và nhân tài. Các nghiên cứu quốc tế về năng lực cạnh tranh nhân tài đều nhấn mạnh khả năng phát triển, thu hút, sử dụng và giữ chân người có kỹ năng cao là điều kiện quan trọng để nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo và thịnh vượng (INSEAD, 2023). Đối với khu vực công, chuyển đổi số cũng đặt ra yêu cầu xây dựng môi trường làm việc phù hợp, bảo đảm kỹ năng cần thiết và phát triển lực lượng lao động công vụ có khả năng vận hành chính phủ số, từ đó chuyển từ cách tiếp cận hành chính sang cách tiếp cận quản trị dựa trên dữ liệu, kết quả và năng lực thích ứng (OECD, 2021).

Ở Việt Nam, các chỉ báo thực tiễn đang cho thấy yêu cầu này ngày càng cấp bách. Theo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, Việt Nam xếp thứ 44 trong số 133 nền kinh tế, tăng hai bậc so với năm 2023, tiếp tục duy trì vị trí thứ hai trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp; đáng chú ý, đầu ra đổi mới sáng tạo của Việt Nam đạt thứ hạng cao hơn đầu vào, phản ánh năng lực chuyển hóa nguồn lực còn hạn chế thành kết quả đổi mới tương đối tích cực (WIPO, 2024). Dẫn chứng này cho thấy Việt Nam có tiềm năng sáng tạo đáng kể, nhưng cũng đặt ra yêu cầu phải có cơ chế quản trị nhân tài hiệu quả hơn để biến tiềm năng thành năng lực cạnh tranh bền vững.

Vấn đề đặt ra là: tư duy và thể chế hiện hành về nhân tài có đủ sức đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình phát triển đất nước hay không? Đại hội XIV của Đảng, cùng với các Nghị quyết

chiến lược của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương trong từ năm 2024 tới nay[1], đã xác lập tầm nhìn, định hướng chiến lược để Việt Nam phát triển. Những bài toán lớn, cần có nhân tài để thực hiện. Và nhân tài để giải quyết những bài toán khó, chưa có tiền lệ. Qua thực tiễn xử lý bài toán khó, bài toán mới sẽ bộc lộ nhân tài.

Đối chiếu với các yêu cầu thực tiễn của quản trị quốc gia kiến tạo phát triển trong kỷ nguyên số, hệ thống thể chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển nhân tài cần tiếp tục được rà soát và hoàn thiện nhằm tạo sự liên thông và kết nối chặt chẽ nguồn nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Thực tiễn vận hành cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành chưa tạo ra biên độ đủ rộng để huy động đội ngũ chuyên gia xuất sắc và nhà khoa học đầu ngành từ khu vực tư nhân cũng như mạng lưới trí thức ngoài công lập tham gia giải quyết các bài toán chiến lược của quốc gia. Sự thiếu vắng các bảo đảm pháp lý cần thiết khiến các cơ quan nhà nước gặp nhiều lúng túng khi tiếp cận nguồn lực trí tuệ bên ngoài, đồng thời thu hẹp không gian cống hiến và khả năng luân chuyển của đội ngũ trí thức trong khu vực công.

2. Các nội dung đổi mới tư, duy và hoàn thiện thể chế về thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài

Đổi mới quan niệm về nhân tài: từ bằng cấp đến năng lực giải quyết bài toán khó:

Nhân tài cần được xác định trước hết bằng năng lực phát hiện, kiến tạo và giải quyết những bài toán khó, có giá trị thực tiễn đối với ngành, lĩnh vực, địa phương và đất nước. Nói cách khác, nhân tài không phải là một thuộc tính tĩnh gắn với học hàm, học vị hay chức danh, mà là năng lực hành động tạo ra kết quả nổi trội trong một bối cảnh nhiệm vụ xác định. Cách tiếp cận này không phủ nhận giá trị của đào tạo chính quy, bằng cấp hay danh hiệu khoa học, nhưng đặt chúng đúng vị trí: đó là điều kiện tham chiếu quan trọng, không phải thước đo cuối cùng của tài năng.

Từ góc độ quản trị quốc gia, nhân tài chỉ thật sự có ý nghĩa khi gắn với nhiệm vụ phát triển cụ thể. Một người có học vị cao nhưng chưa chứng minh được năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn không thể được mặc nhiên coi là nhân tài theo nghĩa phát triển; ngược lại, một cá nhân chưa có danh xưng học thuật nổi bật nhưng tạo ra sản phẩm, giải pháp, mô hình hoặc công nghệ có giá trị lớn cho xã hội cần được nhận diện và trọng dụng kịp thời. Đây là sự chuyển dịch từ tư duy và hành động "chứng chỉ hóa" sang tư duy "giá trị hóa" trong nhận diện nhân tài.

Tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ về Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn ngày 24/8/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu rõ nhân tài phải được nhận diện, đánh giá chủ yếu bằng phẩm chất, năng lực thực tế, tư duy sáng tạo, sản phẩm cụ thể, thành tích, uy tín nghề nghiệp và giá trị cống hiến, khẳng định nguyên tắc "không đồng nhất nhân tài với bằng cấp cao, học hàm, học vị"; đồng thời yêu cầu các cơ quan, tổ chức xác định rõ những bài toán cần nhân tài giải quyết, công khai yêu cầu để tìm đúng người có khả năng đáp ứng, thay vì tuyển chọn dựa trên hồ sơ hình thức[2]. Đây cũng chính là nội hàm cốt lõi của khái niệm nhân tài mà bài viết sử dụng xuyên suốt.

Đổi mới quan niệm về nhân tài theo hướng này có hai hệ quả đối với thiết kế chính sách. **Một là,** tiêu chí xét chọn nhân tài không thể là bộ tiêu chí tĩnh, áp dụng chung cho mọi trường hợp, mà phải gắn với từng bài toán, từng nhiệm vụ cụ thể - người phù hợp giải bài toán này chưa chắc phù hợp giải bài toán khác, bất kể bằng cấp. **Hai là,** cơ chế phát hiện nhân tài phải mở rộng ra ngoài các kênh dựa trên hồ sơ, học hàm, học vị, để tiếp cận những người đã chứng minh năng lực qua sản phẩm, thành tích thực tế, kể cả khi không đi theo con đường học thuật, khoa bảng truyền thống. Đây chính là tiền đề tư duy cho các trục chuyển đổi từ quản lý sang quản trị nhân tài.

Một minh chứng sinh động là thành tích của học sinh Việt Nam trong các kỳ thi Olympic quốc tế về toán học, tin học, vật lý, hóa học, trí tuệ nhân tạo. Những kết quả này khẳng định năng lực phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ của Việt Nam là có thật; song thách thức lớn hơn nằm ở giai đoạn sau đào tạo: làm thế nào để những tài năng ấy tiếp tục được thử thách, sử dụng và phát triển trong các bài toán lớn của đất nước, thay vì bị phân tán, lãng phí hoặc phải tìm môi trường phát triển ở bên ngoài.

Từ quản lý nhân tài sang quản trị nhân tài:

Tư duy quản lý nhân tài, hiểu theo nghĩa phổ biến trong thực tiễn hành chính Việt Nam nhiều năm qua, vận hành theo phương thức quản lý nhân sự hành chính nói chung: lấy hồ sơ, bằng cấp, danh hiệu và thâm niên làm căn cứ chủ yếu để nhận diện; lấy biên chế, vị trí việc làm và quy trình tuyển dụng làm khuôn khổ để sử dụng; lấy cơ quan, đơn vị làm đơn vị sở hữu và quản lý con người trong suốt quá trình công tác. Đây là tư duy có tính lịch sử hợp lý trong điều kiện một nền công vụ cần sự ổn định, thống nhất và kiểm soát chặt chẽ. Nhưng khi áp dụng cho công tác nhân tài - vốn đòi hỏi tốc độ, tính linh hoạt và khả năng đáp ứng những nhiệm vụ mới, khó, chưa có tiền lệ, thì tư duy này bộc lộ nhiều giới hạn.

Thứ nhất, như đã luận giải ở phần trên, việc nhận diện nhân tài theo hồ sơ, bằng cấp, danh hiệu và thâm niên có xu hướng đồng nhất nhân tài với những chỉ dấu hình thức, trong khi năng lực thực chất và giá trị tạo ra mới khi giải bài toán khó của thực tiễn mới là thước đo đúng đắn. Hệ quả là người có năng lực nổi trội nhưng không phù hợp tiêu chí hành chính hình thức dễ bị bỏ sót, trong khi nguồn lực chính sách lại dành cho những trường hợp đủ điều kiện trên giấy tờ nhưng chưa hẳn tạo ra giá trị tương xứng.

Thứ hai, tư duy quản lý gắn nhân tài với biên chế và vị trí việc làm cố định khiến việc sử dụng nhân tài bị bó hẹp trong khuôn khổ chức danh, ngạch bậc, không phù hợp đặc thù của những nhiệm vụ mới, khó, đòi hỏi quyền tự chủ chuyên môn cao. Chính sách vì vậy chủ yếu tập trung vào khâu thu hút đầu vào, trong khi khâu giao việc, trao quyền và đánh giá theo kết quả đầu ra còn yếu, dẫn đến nghịch lý: thu hút được người giỏi nhưng không bố trí đúng việc, khiến họ không phát huy được năng lực và cuối cùng rời đi.

Thứ ba, việc coi cơ quan, đơn vị là chủ thể sở hữu con người trong suốt quá trình công tác tạo ra sự chia cắt giữa các khu vực công và tư, Trung ương và địa phương, trong nước và ngoài nước, khiến nhân tài khó luân chuyển, khó được sử dụng ở nơi tạo ra giá trị cao nhất.

Tâm lý "giữ người bằng ràng buộc hành chính" thay vì "giữ sự gắn kết bằng sứ mệnh và cơ hội phát triển" là biểu hiện rõ nhất của tư duy này.

Có thể khái quát: tư duy quản lý nhân tài về bản chất là tư duy kiểm soát quá trình, kiểm soát ai được vào, vào bằng cách nào, ở vị trí nào, trong biên chế nào. Trong khi đó, yêu cầu của một mô hình phát triển dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo đòi hỏi một tư duy khác về căn bản: tư duy quản trị kết quả, huy động đúng người cho đúng nhiệm vụ, trao quyền tương xứng, đánh giá bằng sản phẩm và giá trị tạo ra. Đây chính là nội hàm của bước chuyển từ quản lý sang quản trị nhân tài.

Quản trị nhân tài là bước chuyển từ kiểm soát con người sang huy động năng lực; từ sở hữu nhân tài sang sử dụng hiệu quả nhân tài; từ quản lý quá trình sang đánh giá kết quả; từ chính sách đãi ngộ tĩnh sang cơ chế giao nhiệm vụ, trao quyền và giải trình dựa trên sản phẩm. Trung tâm của quản trị nhân tài không phải là câu hỏi "làm thế nào để đưa người giỏi vào biên chế", mà là "bài toán phát triển nào cần được giải quyết, ai có năng lực giải quyết tốt nhất, bằng cơ chế nào và trong thời hạn nào".

Về mặt lý luận, có thể khái quát quản trị nhân tài quốc gia là quá trình Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiến tạo thể chế và huy động các chủ thể xã hội nhằm phát hiện, thu hút, sử dụng, bảo vệ, phát triển và luân chuyển nhân tài theo các nhiệm vụ chiến lược của đất nước. Điểm khác căn bản giữa quản lý nhân tài và quản trị nhân tài là ở chỗ: quản lý thiên về kiểm soát nguồn lực đã có trong tổ chức, còn quản trị hướng tới kiến tạo hệ thống để nguồn lực tài năng được phát hiện, kết nối, thử thách và phát huy ở nơi có thể tạo ra giá trị công lớn nhất.

Quản trị nhân tài: từ tư duy kiểm soát quá trình sang tư duy phát huy kết quả và tạo giá trị:

Quản trị nhân tài, khác với quản lý nhân tài, không lấy việc kiểm soát con người trong một cơ cấu tổ chức làm trọng tâm, mà lấy việc huy động, tổ chức và phát huy hiệu quả nhất năng lực nhân tài cho những mục tiêu phát triển cụ thể làm trọng tâm. Sự khác biệt này thể hiện ở bốn phương diện có liên hệ chặt chẽ với nhau.

Về chủ thể, quản trị nhân tài là công việc của nhiều chủ thể cùng tham gia theo nguyên tắc phân vai rõ ràng, không phải độc quyền của cơ quan quản lý nhà nước. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, đặt hàng nhiệm vụ chiến lược, đầu tư năng lực nền tảng và dẫn dắt những lĩnh vực có ý nghĩa sống còn với an ninh, quốc phòng; thị trường đảm nhận phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhân tài theo tín hiệu cung, cầu. Cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp phát hiện, đào tạo và sử dụng nhân tài. Quản trị, do đó, là một cấu trúc phân quyền có phối hợp, không phải hệ thống tập quyền theo chiều dọc.

Về căn cứ tổ chức, quản trị nhân tài lấy nhiệm vụ, sản phẩm và bài toán phát triển cụ thể làm đơn vị tổ chức công việc, thay vì lấy vị trí việc làm và biên chế cố định làm đơn vị tổ chức. Một nhiệm vụ chiến lược, một bài toán công nghệ khó được công bố công khai sẽ là căn cứ để phát hiện, tuyển chọn và giao việc cho nhân tài phù hợp, bất kể đang làm việc ở khu vực công, khu vực tư, trong nước hay ngoài nước. Đây là bản chất của quản trị theo nhiệm vụ, theo sản phẩm và theo đơn đặt hàng bài toán khó: chính sách nhân tài không còn xoay

quanh câu hỏi "làm thế nào để đưa người giỏi vào biên chế", mà xoay quanh câu hỏi "bài toán phát triển nào cần được giải, ai có năng lực giải tốt nhất".

Về cơ chế tham gia, quản trị nhân tài chấp nhận và khuyến khích đa dạng hình thức huy động: hợp đồng theo nhiệm vụ, chuyên gia trưởng, kiêm nhiệm, đồng bổ nhiệm, biệt phái, cộng tác viên chiến lược, thay vì chỉ một con đường tuyển dụng vào biên chế dài hạn. Sự đa dạng này không làm suy yếu kỷ luật quản trị, mà đòi hỏi kỷ luật chặt chẽ hơn: mỗi hình thức đều gắn với mục tiêu, sản phẩm, thời hạn, quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình rõ ràng, được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng nhiệm vụ.

Về phương thức đánh giá, quản trị nhân tài lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ và giá trị tạo ra làm thước đo, thay vì lấy quá trình tuân thủ quy trình hành chính. Điều này đòi hỏi năng lực đặt đề bài rõ ràng, thẩm định kết quả khách quan, và cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu, phân biệt rạch ròi rủi ro khách quan của sáng tạo với hành vi thiếu trách nhiệm, vụ lợi. Thiếu sự phân biệt này, cơ chế đánh giá dễ quay lại phương thức thanh tra thủ tục đầu vào vốn là đặc trưng của tư duy quản lý cũ.

Bốn phương diện trên cho thấy quản trị nhân tài không đơn thuần là một cách gọi khác của quản lý nhân tài, mà là một triết lý tổ chức khác về căn bản: từ kiểm soát con người sang huy động năng lực, từ sở hữu nhân tài sang sử dụng hiệu quả nhân tài, từ tuân thủ quy trình sang tạo ra giá trị.

Gắn trách nhiệm các chủ thể theo hướng mở, cạnh tranh và theo nhiệm vụ:

Chuyển từ quản lý sang quản trị nhân tài có ý nghĩa thực chất khi đi liền với việc phân định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong hệ sinh thái nhân tài, tránh tình trạng trách nhiệm chung chung, "cha chung không ai khóc" vốn là một trong những nguyên nhân khiến chính sách nhân tài thời gian qua còn phân tán.

Tư tưởng về một cơ chế phát hiện nhân tài mở, không giới hạn trong bộ máy hành chính, đã được đặt nền móng từ những ngày đầu lập quốc. Trong bài "Tìm người tài đức" đăng trên Báo Cứu Quốc ngày 20/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức"[3], đồng thời nhìn nhận thẳng thắn rằng nhân tài bị bỏ sót không phải vì khan hiếm, mà vì bộ máy nhà nước "nghe không đến, thấy không khắp", từ đó yêu cầu các địa phương chủ động điều tra, tiến cử người tài đức cho Chính phủ. Trong bài "Nhân tài và kiến quốc" đăng trên Báo Cứu quốc, số ra ngày 14/11/1945, Người cũng nêu một nguyên lý còn nguyên giá trị: nhân tài dù chưa nhiều, nhưng nếu biết lựa chọn, phân phối và sử dụng khéo léo thì sẽ ngày càng phát triển thêm[4], coi việc dùng người đúng cách là điều kiện để nguồn lực tự sinh sôi, chứ không chỉ là bài toán tĩnh về số lượng sẵn có. Hai chỉ dẫn này chính là cơ sở lịch sử - tư tưởng cho nguyên tắc mở rộng chủ thể phát hiện, tiến cử nhân tài ra ngoài phạm vi cơ quan quản lý nhà nước mà công tác nhân tài hiện nay cần kế thừa, cụ thể hóa trong điều kiện mới.

Đối với các bộ, ngành và địa phương, trách nhiệm trọng tâm không phải là trực tiếp quản lý từng trường hợp nhân tài cụ thể, mà là công bố công khai những nhiệm vụ chiến lược, bài toán phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương mình, làm căn cứ để thị trường

nhân tài trong và ngoài khu vực công nhận diện cơ hội tham gia. Đây là sự chuyển vai từ người tuyển dụng sang người đặt đề bài, từ người quản lý quá trình sang người chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng.

Đối với cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu, trách nhiệm nòng cốt là phát hiện sớm, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài ngay từ giai đoạn hình thành năng lực, không chờ đến khi đã thành danh mới thu hút. Mở rộng phát hiện tài năng ra ngoài phạm vi thành tích thi cử, chú trọng năng lực sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn và kỹ năng lãnh đạo, là yêu cầu quan trọng để khắc phục tình trạng nhận diện nhân tài quá thiên về hồ sơ, danh hiệu.

Đối với doanh nghiệp, quản trị nhân tài theo hướng mở đòi hỏi doanh nghiệp không còn là chủ thể thụ động chờ Nhà nước thu hút và cung cấp nhân tài, mà chủ động đặt hàng nghiên cứu, đầu tư cho phát triển nhân tài và trực tiếp cạnh tranh thu hút, sử dụng nhân tài theo cơ chế thị trường. Trong nhiều lĩnh vực công nghệ chiến lược, năng lực đãi ngộ và tốc độ ra quyết định của khu vực kinh tế tư nhân được xác định là động lực quan trọng của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW có thể vượt trội so với khu vực công, và đó cần được nhìn nhận như một lợi thế của hệ sinh thái nhân tài quốc gia.

Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng khoa học, vai trò cần được phát huy là giám sát, phản biện xã hội và mở rộng chủ thể tiến cử nhân tài, đồng thời bảo vệ những người tiến cử đúng và những người đứng đầu dám giao việc, dám dùng nhân tài vì lợi ích chung - cơ chế cần thiết để khắc phục tình trạng phát hiện nhân tài còn khép kín trong nội bộ cơ quan quản lý.

Đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, quyền lựa chọn và sử dụng nhân tài cần đi liền với trách nhiệm về chất lượng lựa chọn, môi trường làm việc và hiệu quả sử dụng nhân tài. Đồng thời, cần cơ chế bảo vệ hợp lý đối với rủi ro khách quan trong đổi mới sáng tạo, để trách nhiệm giải trình không trở thành rào cản khiến người đứng đầu e ngại giao việc lớn, việc khó.

Cách phân vai này cho thấy quản trị nhân tài theo hướng mở, cạnh tranh không có nghĩa Nhà nước buông vai trò lãnh đạo, mà đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước chuyển hóa thành năng lực kiến tạo thể chế, đặt đề bài chiến lược và điều phối hệ sinh thái - một vai trò khó hơn, đòi hỏi năng lực quản trị cao hơn so với quản lý hành chính trực tiếp.

Thoát khỏi quan niệm nhân tài phải làm việc cho Nhà nước và gắn bó cố định với một đơn vị:

Một trong những rào cản tư duy sâu xa nhất đối với công tác nhân tài ở Việt Nam là quan niệm ngầm định rằng nhân tài, một khi đã được phát hiện và thu hút, cần được đưa vào làm việc cho Nhà nước, và một khi đã vào làm việc, cần gắn bó ổn định, lâu dài với một cơ quan, đơn vị cụ thể. Quan niệm này có căn nguyên hợp lý trong bối cảnh lịch sử khi khu vực công là nơi tập trung phần lớn nguồn lực khoa học, công nghệ của đất nước. Nhưng trong điều kiện hiện nay khi kinh tế tư nhân được xác định là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, khi

các trung tâm đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ ngày càng giữ vai trò lớn trong tạo ra giá trị tri thức - quan niệm này không còn phù hợp và cần được điều chỉnh về căn bản.

Trước hết, cần khẳng định rõ nhân tài là nguồn lực trí tuệ của quốc gia, không phải tài sản riêng của bất kỳ cơ quan, tổ chức nào. Giá trị mà nhân tài tạo ra dù làm việc trong khu vực công, khu vực tư hay hoạt động độc lập, đều đóng góp vào năng lực cạnh tranh, tự chủ chiến lược chung của đất nước. Chính sách nhân tài, vì vậy, cần lấy mục tiêu tối đa hóa giá trị đóng góp cho quốc gia làm đích đến, chứ không lấy mục tiêu tối đa hóa số lượng nhân tài trong biên chế nhà nước làm đích đến. Một nhà khoa học giỏi làm việc tại doanh nghiệp công nghệ tư nhân, tạo ra sản phẩm thương mại hóa và đóng góp vào năng lực công nghệ quốc gia, có thể có ý nghĩa phát triển không kém so với việc được tuyển vào biên chế nhà nước.

Thứ hai, sự gắn bó cố định với một đơn vị trong toàn bộ quá trình công tác không còn là điều kiện cần để nhân tài cống hiến hiệu quả. Bản chất của nhiều nhiệm vụ khoa học, công nghệ hiện nay có tính dự án, có thời hạn và đòi hỏi tham gia liên ngành. Một chuyên gia có thể chủ trì nhiệm vụ tại cơ quan nhà nước trong một giai đoạn, sau đó tư vấn cho doanh nghiệp, rồi tham gia nghiên cứu tại trường đại học, mỗi lần gắn với một nhiệm vụ, sản phẩm và thời hạn cụ thể. Cơ chế hợp đồng theo nhiệm vụ, kiêm nhiệm, đồng bổ nhiệm, biệt phái chính là công cụ thể chế để hiện thực hóa phương thức tham gia linh hoạt này, thay vì buộc nhân tài lựa chọn dứt khoát giữa "vào biên chế" và "ở ngoài hệ thống".

Thứ ba, cách tiếp cận này đòi hỏi thay đổi căn bản tư duy và phương thức giữ người. Nếu tư duy quản lý cũ giữ người bằng ràng buộc hành chính, biên chế ổn định, quy trình khó rời bỏ, thì tư duy quản trị mới cần giữ sự gắn kết bằng sứ mệnh, môi trường làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và lợi ích chính đáng. Một tổ chức có khả năng liên tục giao những nhiệm vụ có ý nghĩa, tạo môi trường chuyên môn tốt và bảo đảm lợi ích tương xứng sẽ giữ được sự gắn kết của nhân tài mà không cần đến ràng buộc hành chính; ngược lại, một tổ chức chỉ dựa vào ràng buộc hành chính để giữ người, dù có giữ được nhân sự trên danh nghĩa, cũng khó giữ được sự cống hiến thực chất.

Điều cần nhấn mạnh là việc từ bỏ quan niệm nhân tài phải làm việc cố định cho Nhà nước không đồng nghĩa với việc Nhà nước từ bỏ vai trò thu hút nhân tài cho những nhiệm vụ trọng yếu, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến an ninh, quốc phòng, chủ quyền công nghệ. Đối với những nhiệm vụ này, Nhà nước vẫn cần trực tiếp thu hút, sử dụng nhân tài với cơ chế đãi ngộ và bảo đảm phù hợp. Điều thay đổi là tư duy: Nhà nước không còn coi mình là nơi duy nhất, hay nơi mặc định, để nhân tài cống hiến, mà cạnh tranh sòng phẳng với khu vực tư để thu hút nhân tài cho những nhiệm vụ cụ thể, dựa trên sức hấp dẫn thực chất của nhiệm vụ và đãi ngộ, chứ không dựa trên vị thế hành chính.

Xây dựng Việt Nam thành điểm đến của nhân tài toàn cầu:

Nếu các trục chuyển đổi tư duy nêu trên chủ yếu hướng vào việc tổ chức lại cách sử dụng nhân tài trong nước, thì một chiều kích không thể thiếu của tư duy mới về nhân tài là hướng ra bên ngoài: xây dựng Việt Nam thành một điểm đến hấp dẫn đối với nhân tài khu vực và quốc tế, chứ không chỉ dừng lại ở việc thu hút người Việt Nam ở nước ngoài trở về.

Khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ này đặt ra một yêu cầu mà nhiều nền kinh tế đi trước đã trải qua: không quốc gia nào đạt đến trình độ phát triển cao chỉ bằng nguồn nhân tài nội sinh. Các nền kinh tế phát triển hàng đầu ở châu Á đều đã chủ động xây dựng thể chế, chính sách visa, môi trường nghiên cứu và điều kiện sống để thu hút nhân tài quốc tế, song song với phát triển nguồn nhân lực trong nước. Đối với Việt Nam, điều này đòi hỏi thay đổi nhận thức quan trọng: chính sách nhân tài không thể chỉ thiết kế theo hướng một chiều thu hút người Việt Nam ở nước ngoài trở về mà cần mở rộng hai chiều, tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế, không phân biệt quốc tịch, đến làm việc, nghiên cứu, khởi nghiệp và cống hiến tại Việt Nam.

Đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, tư duy mới cần chuyển từ vận động trở về sang đồng hành, cùng kiến tạo; từ tiếp xúc theo sự kiện sang hợp tác theo nhiệm vụ cụ thể; từ đòi hỏi có mặt thường xuyên, dài hạn sang chấp nhận cống hiến linh hoạt, ngắn hạn, luân phiên, từ xa. Đây là sự thừa nhận thực tế rằng phần lớn chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài đã có sự nghiệp ổn định tại nước sở tại, và yêu cầu họ từ bỏ tất cả để trở về lâu dài là rào cản lớn hơn nhiều so với mời họ tham gia nhiệm vụ cụ thể theo hình thức phù hợp.

Đối với chuyên gia quốc tế nói chung, việc xây dựng Việt Nam thành điểm đến nhân tài đòi hỏi đồng bộ nhiều điều kiện: môi trường nghiên cứu, kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh theo chuẩn mực quốc tế; hạ tầng nghiên cứu, dữ liệu, tài chính đủ sức hấp dẫn; và khung pháp lý thuận lợi về xuất nhập cảnh, cư trú, quốc tịch, sở hữu trí tuệ cho người nước ngoài đến làm việc. Đây là những điều kiện thể chế mà nhiều nền kinh tế cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong khu vực đã và đang hoàn thiện.

Cần nhấn mạnh rằng việc xây dựng Việt Nam thành điểm đến nhân tài không mâu thuẫn, mà là điều kiện bổ sung cho mục tiêu phát huy nhân tài trong nước. Một môi trường đủ sức hấp dẫn nhân tài quốc tế cũng đồng thời là môi trường giữ chân và phát huy tốt hơn nhân tài trong nước; ngược lại, môi trường chưa đủ sức giữ nhân tài nội sinh sẽ khó thuyết phục nhân tài quốc tế lựa chọn Việt Nam. Hai mục tiêu này cần được theo đuổi đồng thời như hai mặt của cùng một chiến lược quản trị nhân tài mở, hội nhập quốc tế.

3. Một số hàm ý chính sách

Từ những phân tích trên, có thể rút ra một số hàm ý chính sách cần được quán triệt trong quá trình hoàn thiện thể chế về công tác nhân tài.

Một là, cần thống nhất nhận thức rằng nhân tài là người có năng lực giải quyết bài toán thực tiễn, không phải thuộc tính gắn với bằng cấp, học hàm, học vị; và quản trị nhân tài là một năng lực thể chế, không phải chính sách đãi ngộ đơn thuần. Thay vì xây dựng gói ưu đãi chung áp dụng cho mọi loại nhân tài, cần một khung nguyên tắc thống nhất, cho phép từng ngành, lĩnh vực, địa phương thiết kế cơ chế phù hợp đặc thù nhiệm vụ.

Hai là, cần luật hóa các hình thức sử dụng nhân tài linh hoạt: hợp đồng theo nhiệm vụ, chuyên gia trưởng, kiêm nhiệm, đồng bổ nhiệm, biệt phái,… với điều khoản rõ ràng về mục tiêu, quyền tự chủ, nguồn lực, quyền sở hữu kết quả và trách nhiệm giải trình, để có cơ sở pháp lý vận hành ổn định, không phụ thuộc vào vận dụng cá biệt ở từng địa phương.

Rà soát, sửa đổi đồng bộ hệ thống pháp luật nền tảng (Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) giai đoạn 2026-2028; luật hóa chính sách thị thực dài hạn dành cho nhân tài nước ngoài và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài.

Thể chế hóa không gian thử nghiệm chính sách có kiểm soát; bổ sung các quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự, dân sự và miễn trừ nghĩa vụ hoàn trả tài chính công cho nhân tài và nhà quản lý khi phát sinh rủi ro khách quan trong giới hạn cho phép vì lợi ích chung.

Ba là, cần xây dựng cơ chế đặt hàng nhiệm vụ công khai ở cấp ngành, địa phương, và quốc gia, quản trị theo kết quả, cùng cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu, phân định rõ rủi ro khách quan của sáng tạo với hành vi vi phạm pháp luật, để người đứng đầu và nhân tài yên tâm nhận nhiệm vụ mới, khó.

Đổi mới cơ chế tài chính công. Áp dụng phương thức khoán chi theo sản phẩm đầu ra đối với các nhiệm vụ khoa học chiến lược; thiết lập quỹ bảo lãnh và chia sẻ rủi ro tài chính công cho các dự án đổi mới sáng tạo do nhân tài chủ trì.

Bốn là, cần đồng bộ hóa chính sách thu hút nhân tài quốc tế với chính sách xuất nhập cảnh, cư trú, quốc tịch, thuế và sở hữu trí tuệ, coi đây là cấu phần của chiến lược cạnh tranh nhân tài toàn cầu, không phải chính sách hành chính đơn lẻ về người nước ngoài.

Năm là, quá trình chuyển đổi tư duy này cần đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất, trực tiếp và toàn diện của Đảng, bảo đảm công tác nhân tài phục vụ lợi ích quốc gia - dân tộc. Mở và cạnh tranh trong sử dụng nhân tài không đồng nghĩa buông lỏng định hướng chính trị, mà đòi hỏi năng lực lãnh đạo, điều phối chiến lược cao hơn để bảo đảm nguồn lực nhân tài, dù huy động từ nhiều chủ thể và hình thức khác nhau, đều hướng vào mục tiêu phát triển chung của đất nước.

4. Kết luận

Từ bình diện chiến lược, đổi mới tư duy về nhân tài là một trong những điều kiện để xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, nền hành chính phục vụ, nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Khi các bài toán phát triển ngày càng phức hợp, không một cơ quan nào có thể tự mình sở hữu đầy đủ tri thức và năng lực cần thiết; nhiệm vụ của Nhà nước hiện đại là tạo lập cơ chế để tri thức phân tán trong xã hội được tập hợp, điều phối và chuyển hóa thành năng lực hành động chung của quốc gia.

Đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy về công tác nhân tài từ chính gốc rễ của khái niệm: nhân tài phải được nhận diện bằng năng lực giải quyết bài toán khó trong thực tiễn, chứ không đồng nhất với bằng cấp, học hàm, học vị. Trên nền quan niệm đó, việc chuyển đổi mô hình phát triển đất nước, theo đuổi mục tiêu trở thành quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ này, đặt ra yêu cầu chuyển đổi tương ứng trong phương thức thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài. Từ quản lý con người theo hồ sơ, biên chế và quá trình sang quản trị nhân tài theo năng lực, nhiệm vụ và kết quả; từ quan niệm nhân tài phải làm việc cho Nhà nước và gắn bó cố định với một đơn vị sang một hệ sinh thái mở, linh hoạt; và từ tư duy hướng nội sang tư duy xây dựng Việt Nam thành một điểm đến hấp dẫn của nhân tài khu vực và toàn cầu. Các trục chuyển đổi này gắn bó hữu cơ với nhau, cùng hướng đến một mục tiêu chung: bảo đảm nguồn lực nhân tài quốc gia đủ tầm để tổ chức thực

hiện thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược mà hệ thống nghị quyết của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tư nhân,… đã đặt ra. Đây là một quá trình đòi hỏi thời gian, quyết tâm chính trị và năng lực thể chế, nhưng không thể trì hoãn nếu Việt Nam muốn thực sự cạnh tranh về nhân tài trong một thế giới mà cạnh tranh phát triển, xét đến cùng, chính là cạnh tranh về con người.

Tiến sĩ Trương Quốc Việt, Phó Trưởng khoa Hành chính học, Học viện Hành chính và Quản trị công

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

3. Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.

5. Hồ Chí Minh (2011), "Tìm người tài đức", trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 504. Bài đăng Báo Cứu Quốc, số 411, ngày 20/11/1946.

6. Hồ Chí Minh (2011), "Nhân tài và kiến quốc", trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 114. Bài đăng Báo Cứu Quốc, số 91, ngày 14/11/1945.

7. Tô Lâm (2026), Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ về Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng và phát triển nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, ngày 24/8/2026. Dẫn theo Nguyễn Hồng Điệp, https://www.vietnamplus.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-nhan-tai-la-nguon-luc-chien-luoc-dac-biet-cua-quoc-gia-post1132111.vnp

8. INSEAD (2023), The Global Talent Competitiveness Index 2023: What a Difference Ten Years Make, What to Expect for the Next Decade.

9. OECD (2021), The OECD Framework for Digital Talent and Skills in the Public Sector, OECD Working Papers on Public Governance, No. 45, OECD Publishing, Paris. https://doi.org/10.1787/4e7c3f58-en

10. World Intellectual Property Organization - WIPO (2024), Global Innovation Index 2024: Viet Nam ranking profile. Geneva: WIPO.

11. Google, Temasek, Bain & Company (2024), e-Conomy SEA 2024: Viet Nam country report.

Chú thích:

[1] Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số

66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Nghị quyết số 82-NQ/TW ngày 15 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam,...

[2] https://www.vietnamplus.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-nhan-tai-la-nguon-luc-chien-luoc-dac-biet-cua-quoc-gia-post1132111.vnp

[3] Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 504

[4] Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 114

DẤU ẤN HIỆU QUẢ CỦA MỘT CHÍNH PHỦ HÀNH ĐỘNG SAU 9 THÁNG

Những ngày đầu tháng 10 đánh dấu 3 quý và 9 tháng đầu tiên của năm 2026 đã đi qua, với những kết quả đạt được và ý nghĩa quan trọng cho năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Đây cũng là thời điểm ghi nhận những kết quả khá toàn diện đã đạt được trong chỉ đạo, điều hành 6 tháng đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ khóa XVI.

Trước hết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Lãnh đạo chủ chốt với cách làm mới, hiệu quả.

Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV; đồng thời chủ động cập nhật, tích hợp các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Kết luận 18 của Hội nghị Trung ương 2 vào trong Chương trình hành động để tập trung, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Đến nay, đã trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến thông qua 109/110 đề án; nhiều vấn đề lớn, phức tạp, vướng mắc kéo dài nhiều năm đã được xử lý.

Cùng với đó, bám sát và thường xuyên đôn đốc thực hiện toàn bộ 135 nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 18; đến nay, đã hoàn thành 90/94 nhiệm vụ giao trong 9 tháng; trong đó có nhiều nhiệm vụ khó, quan trọng, cấp bách như: Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong một số lĩnh vực trọng yếu; cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; giao bổ sung mục tiêu phát triển cho các địa phương, doanh nghiệp nhà nước.

Chính phủ cũng đã chủ động chuẩn bị và ban hành toàn bộ Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 ngay sau 1 tuần làm việc với tổng số 36 nhiệm vụ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Đến nay đã hoàn thành đúng hạn toàn bộ 5/5 nhiệm vụ giao trong tháng 9/2026.

Đồng thời, thường xuyên rà soát, đánh giá để chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương 2 cấp theo tinh thần Kết luận 76 của Trung ương. Hoàn thành sắp xếp, tinh gọn các thôn, tổ dân phố (giảm 46,33%); chỉ đạo thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã phù hợp với thực tiễn. Khẩn trương sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, giảm được 18.975 đầu mối (50,6%); từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên cục bộ.

Kịp thời ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ; trong đó đã xử lý tình trạng chồng chéo, giao thoa chức năng giữa một số bộ, một số lĩnh vực, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Thứ hai, dấu ấn rất rõ là Chính phủ nhiệm kỳ này đã tập trung, quyết liệt triển khai công tác xây dựng pháp luật và hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý cho quá trình phát triển, từng bước khẳng định là khâu đột phá chiến lược Đại hội XIV của Đảng đã lựa chọn.

Dự kiến năm 2026, Chính phủ trình Quốc hội thông qua khoảng 78 luật, nghị quyết, trong đó có nhiều nội dung quan trọng, tác động lớn; qua đó, cơ bản tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản lớn về thể chế để khơi thông nguồn lực phát triển. Đồng thời, chỉ đạo quyết liệt việc hạn chế tối đa số lượng văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết theo quan điểm "một luật chỉ ban hành một nghị định quy định chi tiết".

Trong 9 tháng, đã ban hành 465 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó 123 văn bản quy định chi tiết. Đặc biệt, đã khắc phục được tình trạng chậm, nợ đọng các văn bản quy định chi tiết, trong đó có gần 20 văn bản nợ đọng kéo dài (từ 01/7/2024).

Thứ ba, Chính phủ quyết liệt, tập trung khơi thông nguồn lực, tạo động lực mới cho tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô. GDP quý sau tăng cao hơn quý trước, quý III ước tăng 9,95%; GDP 9 tháng ước tăng 9,01%, cao nhất trong 15 năm qua.

Xuất khẩu, nhập khẩu 9 tháng đạt 888 tỷ USD, tăng 30,4%, tháng 9 đã đổi chiều xuất siêu 1,27 tỷ USD sau nhiều tháng nhập siêu. Thu hút khách quốc tế 9 tháng đạt khoảng 17,7 triệu lượt khách, tăng 14,5%. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 9 tháng đạt gần 224.000 doanh nghiệp, cao hơn số rút lui khỏi thị trường (172.000 doanh nghiệp).

Các tổ chức uy tín quốc tế tiếp tục đánh giá tích cực về khả năng chống chịu và đà tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong khi hạ dự báo tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu.

Đặc biệt, triển khai quyết liệt các giải pháp giảm chi phí đầu vào cho nền kinh tế: Chỉ đạo tăng cường sản xuất trong nước, đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, thực hiện kịp thời, linh hoạt các giải pháp miễn, giảm thuế, phí, sửa đổi các quy định về kinh doanh, phân phối để bảo đảm ổn định nguồn cung xăng dầu. Tập trung huy động, điều tiết linh hoạt các nguồn điện, tiết giảm chi phí sản xuất để cung ứng đủ điện cho sản xuất, sinh hoạt và không tăng giá điện. Thực hiện hiệu quả, chặt chẽ công tác quản lý thuốc, vật tư y tế với yêu cầu cắt giảm tối đa đầu mối, khâu trung gian, bảo đảm giảm chi phí cho người bệnh. Quyết liệt chỉ đạo sửa đổi Luật Đất đai và các luật liên quan nhằm kiểm soát giá đất, bất động sản ở mức hợp lý.

Đôn đốc tháo gỡ khó khăn, xử lý các dự án vướng mắc, tồn đọng, kéo dài: Từ tháng 4/2026 đến nay đã xử lý vướng mắc cho 2.535 dự án (đưa vào sử dụng 86,6 nghìn ha; khơi thông nguồn vốn trên 1,76 triệu tỷ đồng), nâng tổng số dự án được tháo gỡ lên 3.557 dự án (tổng diện tích đất trên 139 nghìn ha và tổng mức đầu tư hơn 2,49 triệu tỷ đồng). Tham mưu Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế đặc thù để xử lý một số khó khăn, vướng mắc đối với các dự án điện gió, điện mặt trời; qua đó từng bước đưa vào khai thác 172 dự án điện với công suất gần 9,8 nghìn MW; dự kiến khơi thông khoảng 13 tỷ USD đã đầu tư, khả năng thu về cho ngân sách nhà nước 50 nghìn tỷ đồng.

Quyết liệt đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, tập trung tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, nguồn cung vật liệu xây dựng. Giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng đạt 640 nghìn tỷ đồng, đạt 62,6% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ khoảng 180 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối và 12% về tỉ lệ); Chính phủ đã và đang chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch vốn trên 89 nghìn tỷ

đồng. Sau khi điều chỉnh vốn và trừ tiết kiệm 5% ngân sách địa phương, tỉ lệ giải ngân dự kiến đạt trên 65%.

Chính phủ chủ động báo cáo Bộ Chính trị, trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 (trên cơ sở hợp nhất 4 Chương trình trước đây), khắc phục tình trạng dàn trải, giao thoa về đối tượng, địa bàn và nhiệm vụ; kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên giảm hàng chục nghìn tỷ đồng để chuyển sang nhiệm vụ chi đầu tư khác.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng thị trường vốn được thúc đẩy, thị trường chứng khoán được nâng hạng; trong 9 tháng tổng giá trị huy động vốn của doanh nghiệp trên thị trường tăng 12%. Vốn FDI đăng ký 9 tháng ước đạt gần 50,4 tỷ USD, tăng 76,4%, thực hiện ước đạt trên 21 tỷ USD, tăng 12,1%.

Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia để tạo động lực mới cho tăng trưởng. Ngay sau khi Ban Chỉ đạo Trung ương được kiện toàn, Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo đã ưu tiên triển khai đồng bộ các giải pháp đề ra tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57. Đến nay, đã hoàn thành 1.326/2.011 nhiệm vụ (đạt 66,1%). Doanh thu công nghiệp công nghệ số tháng 9 ước đạt gần 771 nghìn tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ năm 2025). Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghệ 9 tháng đạt trên 175 tỷ USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2025.

Chỉ đạo xử lý, giải quyết thực chất, hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, chỉ trong 3 tháng, lãnh đạo Chính phủ đã tổ chức 9 hội nghị với cộng đồng, hiệp hội doanh nghiệp tiêu biểu. Đến nay, đã có 120/202 nhóm kiến nghị của các doanh nghiệp đã được trả lời, giải quyết dứt điểm.

Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh được triển khai quyết liệt. Từ tháng 4/2026 đến nay, đã bãi bỏ 56 và sửa đổi 14 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; phân cấp 408 thủ tục hành chính về địa phương; đơn giản hóa 803, cắt giảm 945 thủ tục hành chính và 1.754 điều kiện kinh doanh; đã công bố tái cấu trúc 851 thủ tục hành chính; cắt giảm 53% thời gian và 55% chi phí tuân thủ (tiết kiệm khoảng 23 nghìn tỷ đồng mỗi năm) cho người dân, doanh nghiệp, vượt yêu cầu tại Kết luận số 18 và là mức cắt giảm lớn nhất từ trước đến nay.

Thu ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực, 9 tháng ước thu 2,2 triệu tỷ đồng, đạt gần 90% so với kế hoạch, tăng trên 12% so với cùng kỳ; đồng thời đã miễn, giảm thuế, phí ước khoảng 344,4 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, việc chỉ đạo thực hiện thiết thực, hiệu quả công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người yếu thế được nhân dân ủng hộ, đánh giá cao. Công tác chăm lo cho người có công được chú trọng; chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ được triển khai quyết liệt; đã tìm kiếm, quy tập hơn 3.000 và lấy mẫu 205.000 hài cốt liệt sĩ. Đã khởi công hỗ trợ nhà ở cho 2.800/3.408 hộ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Chỉ đạo gấp rút hoàn thành 107 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền chỉ trong chưa đầy 1 năm.

Triển khai quyết liệt, bố trí đủ nguồn lực thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho hơn 52 triệu người dân; hoàn thiện Đề án đầu tư xây dựng 510 điểm, trạm y tế xã biên giới giai đoạn 2026-2030; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tạo lập trên 40 triệu sổ sức khỏe điện tử. Đã đưa vào vận hành hiệu quả bệnh viện Việt Đức và Bạch Mai cơ sở Ninh Bình sau nhiều năm chậm tiến độ.

Chỉ đạo quyết liệt đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, bảo đảm an sinh xã hội. Từ đầu năm đến nay cả nước có 108 dự án nhà ở xã hội hoàn thành với 31.353 căn hộ được đưa vào sử dụng; 109 dự án mới được khởi công với quy mô 153.762 căn, trong đó 41.204 căn hộ để cho thuê. Riêng từ tháng 4/2026 đến nay, cả nước đã khởi công 22 dự án nhà ở cho thuê với trên 33.400 căn hộ.

Thứ năm, quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai toàn diện, thực chất. Chủ động nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về quân sự, quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Triển khai chủ động, tích cực công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Từ đầu năm đã ký kết hơn 350 cam kết, thỏa thuận quốc tế mới, tiếp tục mở rộng không gian phát triển, thu hút nguồn lực, đa dạng hóa đối tác và tạo thêm động lực cho tăng trưởng. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo rà soát, đôn đốc và cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, dự án và cơ chế hợp tác cụ thể theo hướng thực chất, hiệu quả.

Thứ sáu, Quy chế làm việc của Chính phủ được thực hiện nghiêm túc, có nhiều điểm mới: Đổi mới, cải tiến phương thức họp; xây dựng lịch họp khoa học, tần suất hợp lý; nội dung ngắn gọn, rõ ràng, tập trung; tăng cường trao đổi, hội ý và chỉ đạo trực tiếp những vấn đề trọng tâm. Số lượng đề án, báo cáo, dự án theo chương trình công tác và số nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương lớn (tháng 9 là 1.730, lũy kế 9 tháng là 11.849 nhiệm vụ) nhưng cơ bản đã được thực hiện đúng tiến độ; tỉ lệ quá hạn chỉ còn 0,79%.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP: GỠ VƯỚNG THỂ CHẾ, ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ

Phát biểu tại Diễn đàn quốc tế thường niên về quản trị công năm 2026 tại Học viện Hành chính và Quản trị công sáng 07/10/2026, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng nêu yêu cầu gắn cải cách thể chế với đổi mới tổ chức và phương thức vận hành của hệ thống hành chính.

Khối lượng công việc lớn

Trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khối lượng điều chỉnh pháp luật diễn ra trên diện rộng.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng cho biết: "Để phục vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, 775 văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Trong đó có 114 luật, pháp lệnh, nghị quyết; 305 văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; 356 văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ".

Đây là cuộc điều chỉnh thể chế với quy mô lớn, diễn ra trong thời gian ngắn, nhằm tạo hành lang pháp lý cho một phương thức tổ chức và vận hành mới.

Nhiều nhiệm vụ cấp thiết đã được đẩy nhanh. 10/10 nhiệm vụ cần điều chỉnh thẩm quyền đã hoàn thành việc điều chỉnh giữa Trung ương với địa phương hoặc giữa các cấp chính quyền địa phương. 355/355 nhiệm vụ đã được các bộ, cơ quan hoàn thành hướng dẫn cụ thể theo kiến nghị của địa phương.

"Những kết quả này góp phần xác lập cơ sở pháp lý cho chuyển giao nhiệm vụ và xử lý vướng mắc trong vận hành", Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng chia sẻ.

Những "điểm nghẽn" được nhận diện thẳng thắn

Một hệ thống pháp luật vận hành tốt không thể chỉ được đo bằng số lượng văn bản đã ban hành hay số nhiệm vụ đã hoàn thành. Thước đo quan trọng hơn nằm ở khả năng giải quyết công việc trong thực tế khi thẩm quyền có rõ không, quy trình có thông suốt không, địa phương có đủ điều kiện thực hiện không, dữ liệu có được kết nối không và người dân, doanh nghiệp có thực sự được giảm chi phí, thời gian hay không.

Theo Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng, bên cạnh những kết quả đạt được, cải cách thể chế vẫn còn những hạn chế.

Thứ nhất, một số cơ chế, chính sách và quy định pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp thực tiễn; việc sửa đổi, bổ sung có nội dung chưa kịp thời.

Thứ hai, chất lượng nghiên cứu chính sách, đánh giá tác động và tham vấn trong một số trường hợp còn hạn chế. Hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng đều về chất lượng; một số báo cáo tổng kết thi hành còn sơ sài, thiếu thông tin, số liệu.

Thứ ba, việc thực hiện thẩm quyền được phân cấp, phân quyền ở một số địa phương còn khó khăn; điều kiện bảo đảm chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ; một số quy định về phân cấp, phân quyền vẫn còn bất cập.

Thứ tư, điều chỉnh quy trình và bảo đảm liên thông dữ liệu chưa đồng bộ với yêu cầu đổi mới phương thức quản lý. Tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử tại một số cơ quan còn chậm, ảnh hưởng đến giải quyết thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính.

6 giải pháp hoàn thiện thể chế

Những vướng mắc trên cho thấy yêu cầu cấp thiết là hoàn thiện thể chế đồng bộ, từ xây dựng chính sách đến tổ chức thực thi, thay vì chỉ xử lý từng quy định riêng lẻ.

"Phải hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, gắn tháo gỡ "điểm nghẽn" với chuyển đổi phương thức quản trị", Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng nhấn mạnh đây là giải pháp đầu tiên.

Việc rà soát pháp luật cần chuyển từ cách nhìn từng văn bản sang rà soát theo nhóm vấn đề. Những vướng mắc tác động trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp và quá trình chuyển giao nhiệm vụ trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp phải được ưu tiên.

Mỗi vướng mắc cần xác định rõ nguyên nhân, thẩm quyền, cơ quan chủ trì và thời hạn giải quyết. Cùng với đó là tiếp tục hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật, làm rõ phạm vi điều chỉnh, hiệu lực và quy định chuyển tiếp, hạn chế phát sinh những tầng nấc văn bản không cần thiết.

Thứ hai là nâng cao chất lượng nghiên cứu, hoạch định chính sách và đánh giá tác động. Mỗi đề xuất cần làm rõ vấn đề, nguyên nhân, mục tiêu và các phương án xử lý trên cơ sở tổng kết thi hành pháp luật và dữ liệu thực tế.

Đánh giá tác động phải nhìn tới chi phí tuân thủ, nguồn lực ngân sách, năng lực của cơ quan thực hiện và ảnh hưởng đối với từng nhóm liên quan; kết hợp phân tích định lượng khi có đủ dữ liệu với nghiên cứu định tính.

Thứ ba là hoàn thiện thể chế phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, năng lực thực hiện và trách nhiệm giải trình. Phân cấp, phân quyền phải phù hợp tính chất nhiệm vụ, phạm vi tác động và năng lực cấp được giao, gắn với nhân lực, tài chính, dữ liệu và điều kiện làm việc. Cùng với đó, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, bảo đảm quyền chủ động gắn với trách nhiệm của địa phương.

Thứ tư là xây dựng thể chế quản trị dựa trên dữ liệu, đồng bộ với đổi mới quy trình và phương thức phối hợp. Rà soát quy định về hồ sơ, trình tự, trách nhiệm xác nhận và sử dụng thông tin để khai thác dữ liệu đã có, giảm yêu cầu cung cấp lại giấy tờ. Thiết kế quy trình nghiệp vụ phù hợp xử lý điện tử, giải quyết công việc liên thông và không phụ thuộc địa giới hành chính.

Thứ năm là tăng cường tổ chức thi hành và đánh giá pháp luật sau ban hành. Một đạo luật hay một chính sách chỉ thực sự hoàn thành khi được thực thi hiệu quả. Vì vậy, yêu cầu thực thi cần được xác định ngay khi xây dựng chính sách, làm rõ cơ quan thực hiện, nguồn lực, hướng dẫn và phương thức đánh giá.

Cuối cùng là nâng cao năng lực dự báo và khả năng thích ứng của thể chế. Tăng cường nghiên cứu xu hướng công nghệ, biến đổi kinh tế - xã hội và rủi ro đối với quản lý nhà nước; sử dụng kết quả trong hoạch định chính sách và xác định ưu tiên cải cách. Với lĩnh vực mới, cần nghiên cứu cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo thẩm quyền, xác định rõ phạm vi, thời hạn, trách nhiệm, giới hạn rủi ro và tiêu chí đánh giá trước khi mở rộng áp dụng.

Điểm cốt lõi của cải cách thể chế không nằm ở việc ban hành thêm bao nhiêu quy định, mà ở khả năng tạo ra một hệ thống pháp luật đồng bộ, rõ trách nhiệm, đủ nguồn lực và vận hành trên nền tảng dữ liệu.

Nguồn: baochinhphu.vn

KỊP THỜI TÔN VINH, TRỌNG DỤNG CÁN BỘ DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM

Sự ra đời liên tiếp và đồng bộ của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới và Quy định số 220-QĐ/TW ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư về cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đã đáp ứng trúng và đúng đòi hỏi cấp bách từ thực tiễn và tạo "điểm tựa" pháp lý vững chắc để đội ngũ cán bộ, đảng viên tự tin dấn thân, cống hiến, cùng đất nước vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh một thực tế sinh động: Nếu không có những bước đột phá mạnh mẽ trong tư duy đổi mới kinh tế, chúng ta không thể có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày hôm nay. Trong mỗi bước chuyển của lịch sử cách mạng, nhân tố quyết định luôn là những cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm- những người sẵn sàng "đứng mũi chịu sào" trước công việc mới, việc khó, việc phức tạp chưa từng có tiền lệ. Họ nhìn nhận thử thách không phải là chướng ngại, mà là "lò luyện" để tôi rèn bản lĩnh và sự trưởng thành. Tinh thần xả thân vì sự nghiệp chung ấy là biểu hiện của lòng yêu nước nồng nàn, bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức cách mạng trong sáng.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Phúc, nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng chia sẻ: Thế hệ chúng tôi có rất nhiều cán bộ trẻ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Chúng tôi không xem đó là điều gì xa lạ, bởi thực chất đó là sự kế thừa và phát triển sinh động lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tinh thần tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, vì là những người trẻ lại dám nghĩ, dám làm nên đôi khi có những hạn chế, sai lầm do thiếu kinh nghiệm sống, và đó chính là lúc họ cần đến sự khuyến khích, bảo vệ kịp thời của tổ chức.

Những năm qua, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Đảng ta đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp nhằm khắc phục triệt để "căn bệnh" sợ sai, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ. Trong đó, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, đã bước đầu tạo ra làn gió mới. Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, càng cần có sự góp sức của những cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và do đó việc tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ họ là điều cần thiết.

Sự ra đời của Nghị quyết số 24-NQ/TW là nâng tầm từ chủ trương "khuyến khích" của Kết luận số 14-KL/TW sang xác lập "chuẩn mực hành động". Chỉ trong vòng hơn một tháng sau đó, Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 220-QĐ/TW về cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quá trình thể chế hóa quyết liệt, khẩn trương, đồng bộ đã kịp thời tạo ra cơ sở pháp lý để địa

phương, đơn vị, tổ chức ghi nhận, tôn vinh và đặt những người tài năng, tâm huyết đúng vị trí công tác.

Quy định số 220-QĐ/TW đã cụ thể hóa các sáng kiến đổi mới thành 4 nhóm rõ ràng, cụ thể, từ những đột phá trong khâu thực thi đến việc thiết lập "không gian thử nghiệm có kiểm soát" đối với các dự án có độ rủi ro cao, khắc phục tâm lý "e ngại", "sợ sai" của cán bộ trẻ. Cán bộ sẽ xác định được phạm vi, thẩm quyền để tự tin giải phóng toàn bộ năng lượng sáng tạo.

Quy định số 220-QĐ/TW khẳng định đồng hành và bảo vệ những người dám dấn thân vì lợi ích chung thông qua nhiều chế tài, chế định. Thí dụ như việc khôi phục danh dự, uy tín cho cán bộ gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan hay danh sách 12 hành vi nghiêm cấm… Qua đó, phân định rạch ròi giữa tinh thần dấn thân chân chính với hành vi lạm quyền, lợi dụng danh nghĩa "sáng tạo" để trục lợi chính sách hay vun vén lợi ích nhóm.

Nếu Nghị quyết số 24-NQ/TW là ngọn lửa thắp lên khát vọng cống hiến và tinh thần dấn thân, thì Quy định số 220 chính là bộ quy trình vận hành chuẩn mực để bảo vệ ngọn lửa đó trước những "sóng gió" của thực tiễn. Với sự tháo gỡ đồng bộ này, đội ngũ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đã có trong tay một "cẩm nang" pháp lý rõ ràng, trọn vẹn niềm tin để tự tin cống hiến trí tuệ, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Nguồn: nhandan.vn

KHƠI THÔNG "ĐIỂM NGHẼN" NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Nhấn mạnh yêu cầu cấp bách về đổi mới phương thức làm việc tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIV), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ toàn hệ thống phải kiên quyết loại bỏ các rào cản hành chính đang gây bế tắc cho doanh nghiệp và làm chậm nhịp độ phát triển.

Việc khơi thông mọi "điểm nghẽn" tư duy và cơ chế được coi là mệnh lệnh từ thực tiễn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành của bộ máy nhà nước.

Khâu nào ách tắc, trách nhiệm phải gắn với khâu đó

Dưới góc nhìn nghiên cứu kinh tế, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thường Lạng, Giảng viên cao cấp Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân nhận định, thực chất của cuộc cải cách hành chính hiện nay là cuộc cách mạng về lề lối làm việc, hướng tới mục tiêu rút ngắn tối đa thời gian xử lý, đạt hiệu quả công việc cao nhất và chớp lấy những cơ hội phát triển vàng của đất nước. Dù bộ máy đã được tinh gọn nhưng tình trạng chậm trễ, lòng vòng, chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm và kéo dài thời gian xử lý vẫn đang tồn tại.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thường Lạng, rào cản lớn nhất không nằm ở số lượng cơ quan hay cấp quản lý mà xuất phát từ phương thức giải quyết công việc chưa dựa trên một quy trình khoa học, tinh gọn nhằm tối ưu hóa thời gian và chi phí.

Trong nền kinh tế hiện đại, thời gian xử lý càng kéo dài, chi phí cơ hội càng đắt đỏ. Sự chậm trễ ấy không chỉ khiến doanh nghiệp phải trả giá, mà còn tiếp tay cho đối thủ cạnh tranh và đẩy đất nước trước nguy cơ tụt hậu. Bản chất vấn đề nằm ở tốc độ xử lý thông tin và năng lực giải quyết công việc đặc biệt là những việc phức tạp, chưa có tiền lệ. Toàn hệ thống đòi hỏi một sự chuyển mình mạnh mẽ về tư duy và phương pháp vận hành: Tinh gọn, hiệu lực, năng suất cao, tạo đà bứt phá cho tăng trưởng hai con số, gia tăng sức mạnh doanh nghiệp và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ phát huy năng lực sáng tạo.

Để khắc phục triệt để tình trạng "bao biện, làm thay, buông lỏng lãnh đạo và xin ý kiến nhiều vòng đối với việc thuộc thẩm quyền," Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thường Lạng chỉ rõ, tình trạng này bắt nguồn từ hai nguyên nhân chính: Sự né tránh khi đụng chạm đến lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ và sự e ngại rủi ro pháp lý do thể chế chưa thực sự rõ ràng.

Do đó, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thường Lạng đề xuất trước hết cần tối ưu hóa quy trình và xác định rõ trách nhiệm cá nhân; thiết kế quy trình khoa học, liên tục với cơ chế giám sát xuyên suốt và đánh giá tác động toàn diện (ngắn hạn-dài hạn, trực tiếp-gián tiếp). Khâu nào ách tắc, trách nhiệm phải gắn với khâu đó; kiên quyết loại bỏ các khâu cản trở, đồng thời triển khai thử nghiệm có kiểm soát hoặc xây dựng phương án thay thế. Thành lập đầu mối chuyên trách để theo dõi, xử lý dứt điểm các điểm nghẽn và quy trách nhiệm rõ ràng. Đồng thời, cần có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm trong giai đoạn chuyển đổi, phải xây dựng hệ thống dữ liệu đầy đủ, hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng minh bạch, đẩy mạnh số hóa và liên thông quy trình giữa các bộ, ngành, địa phương để tránh tình trạng "một khâu yếu làm chậm cả hệ thống."

Để các quyết sách đạt chất lượng thực chất, chấm dứt tình trạng "nhiều văn bản, nhiều cuộc họp nhưng công việc chậm chuyển biến," Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thường Lạng cho rằng giải pháp then chốt nằm ở bộ ba đột phá. Theo đó, đột phá về dữ liệu, thông tin phải bảo đảm thông suốt; dữ liệu giữa các ngành phải liên thông, đáp ứng đúng chuẩn "đúng, đủ, sạch, sống," thống nhất, dùng chung và cập nhật tin cậy. Đẩy mạnh số hóa, khai thác và công khai dữ liệu trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia để xóa bỏ tình trạng ách tắc do thiếu kết nối. Trong trường hợp thiếu dữ liệu, áp dụng các mô hình mô phỏng, thí điểm hoặc thử nghiệm có kiểm soát, đồng thời xây dựng mô hình đánh giá, kiểm định và điều chỉnh chính sách kịp thời.

Đột phá về quy trình, rà soát, rút gọn quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá tác động dựa trên dữ liệu cập nhật. Đối với từng văn bản, cần quy định rõ nội dung, thời hạn góp ý và cơ quan chịu trách nhiệm chính. Trang bị đầy đủ công cụ hiện đại để lực lượng tham mưu xây dựng chính sách một cách khoa học, đồng bộ, công khai và linh hoạt điều chỉnh khi thực tiễn yêu cầu.

Đột phá về đội ngũ, tập trung đào tạo lại lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số; nâng cao năng lực, bản lĩnh trách nhiệm và tư duy sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi để cán bộ đề xuất các phương pháp làm việc mới. Đội ngũ mới phải vận hành trên nền tảng dữ liệu minh bạch, tăng cường phối hợp liên ngành và triệt tiêu tư duy lợi ích cục bộ.

Đẩy mạnh dữ liệu số, rút ngắn thủ tục hành chính

Từ thực tiễn quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển xanh, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh, Phó Chủ tịch Hội Kinh tế Môi trường Việt Nam cho rằng đổi mới bộ máy chỉ đạt hiệu quả khi đi liền với đổi mới quy trình vận hành. Nếu bộ máy được thu gọn về cơ cấu tổ chức nhưng vẫn duy trì cách làm "xin ý kiến lòng vòng," hiệu quả quản lý không những không được cải thiện mà nguy cơ chậm trễ có thể gia tăng.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh, khi biên chế được tinh giản nhưng khối lượng công việc và quy trình xử lý không thay đổi, áp lực lên từng vị trí công tác sẽ lớn hơn. Điều này dễ dẫn đến tâm lý né tránh, ngại sai, hoặc tiếp tục chuyển văn bản sang cơ quan khác để "chia sẻ rủi ro." Trong lĩnh vực kinh tế, sự chậm trễ có thể làm mất cơ hội đầu tư.

Để khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm tại các lĩnh vực có tính liên ngành cao, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh cho rằng cần làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ thực thi. Người đứng đầu không thể chỉ đóng vai trò chuyển tiếp văn bản hoặc lạm dụng việc xin ý kiến để bảo đảm an toàn cho bản thân, mà phải có đủ năng lực chuyên môn để đánh giá bản chất vấn đề, ra quyết định trong đúng thẩm quyền được giao. Cùng với đó, cần thiết lập cơ chế giám sát tiến độ xử lý hồ sơ theo thời gian thực để kịp thời phát hiện, xử lý các điểm nghẽn hành chính thay vì tổ chức các cuộc họp hình thức. Hành vi nhũng nhiễu, chậm trễ cần bị xử lý nghiêm; đồng thời, cần có cơ chế bảo vệ và khen thưởng phù hợp đối với cán bộ giải quyết hồ sơ sáng tạo, đúng pháp luật, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cho doanh nghiệp.

Đối với cán bộ chuyên môn, cần nắm vững các quy định pháp luật, loại bỏ tâm lý "không biết thì gửi văn bản hỏi cho chắc" khiến thủ tục kéo dài. Thay vì gửi văn bản hành chính thụ động và chờ phản hồi, các cơ quan liên quan cần chủ động thiết lập kênh làm việc liên thông, phối hợp giải quyết dứt điểm những nội dung chưa thống nhất trong hồ sơ.

Về ứng dụng dữ liệu và công nghệ số, Phó Giáo sư, Tiến sỹ nhấn mạnh, chuyển đổi số không chỉ là số hóa giấy tờ thành tệp PDF để gửi qua thư điện tử, mà phải thay đổi phương thức thẩm định và giám sát trên nền tảng dữ liệu số được chuẩn hóa, tự động. Cụ thể cần xây dựng Cơ sở dữ liệu Môi trường quốc gia tập trung, tích hợp dữ liệu quan trắc tự động từ nhà máy, khu công nghiệp; dữ liệu đa dạng sinh học và quy hoạch lâm nghiệp vào Hệ thống thông tin địa lý dùng chung giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương cùng các địa phương.

Bên cạnh đó, cần chuẩn hóa và tự động hóa quy trình thẩm định. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đánh giá tác động môi trường dưới dạng dữ liệu có cấu trúc; hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ quét, phân tích, cảnh báo các xung đột quy hoạch, như dự án nằm trong hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc rừng đặc dụng, thay cho việc mất nhiều tuần nghiên cứu thủ công.

Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Thế Chinh cũng đề xuất tổ chức các hội đồng thẩm định trực tuyến, tạo điều kiện để chuyên gia và đại diện các bộ, ngành cùng truy cập hồ sơ số, xem mô hình giả lập tác động môi trường và đưa ra ý kiến phản biện độc lập. Việc lưu vết ý kiến trên hệ thống sẽ giúp tăng tính minh bạch, hạn chế sự can thiệp chủ quan trong quá trình thẩm định.

Nguồn: vietnamplus.vn

TÁI CẤU TRÚC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

Ngày 08/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1951/QĐ-TTg ngày 08/10/2026 phê duyệt Đề án "Tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 - 2035".

Về phạm vi của Đề án, Đề án rà soát, tổ chức hệ thống các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia còn hiệu lực do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương phê duyệt theo thẩm quyền; đồng thời cập nhật các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia được phê duyệt mới trong quá trình hoàn thiện và tổ chức thực hiện Đề án để bảo đảm đầy đủ phạm vi, tránh trùng lặp về mục tiêu, nội dung, sản phẩm và nguồn lực.

Tập trung nguồn lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược

Mục tiêu chung của Đề án là tái cấu trúc hệ thống các chương trình thuộc phạm vi Đề án thành 06 nhóm theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phân định rõ mục tiêu, phạm vi và định hướng kết quả; bảo đảm liên thông từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ đến ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm.

Tập trung nguồn lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chính sách, quản trị quốc gia, phát triển văn hóa, xã hội và con người Việt Nam. Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời bảo đảm liên thông với việc tổ chức thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia theo pháp luật về chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh, tự chủ công nghệ và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hình thành 30 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn khu vực

Mục tiêu cụ thể của Đề án giai đoạn 2026 - 2030, 100% chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc phạm vi Đề án được theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hình thành 30 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn khu vực; liên thông dữ liệu khoa học với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo có liên quan.

Hình thành tối thiểu 20 sản phẩm trọng điểm quốc gia và sản phẩm công nghệ chiến lược; phát triển tối thiểu 20 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược, trong đó có tối thiểu 05 doanh nghiệp có sản phẩm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Thành lập tối thiểu 250 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo tham gia thử

nghiệm, ứng dụng và nhân rộng; hỗ trợ tối thiểu 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện quy trình, phát triển sản phẩm mẫu đưa vào sản xuất; thu hút vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo đạt tối thiểu bằng 100% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp thực hiện Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.

Hệ thống các chương trình thuộc phạm vi Đề án được tổ chức thành 6 nhóm

Hệ thống các chương trình thuộc phạm vi Đề án giai đoạn 2026 - 2035 được tổ chức thành 06 nhóm: (1) Nhóm chương trình phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; (2) Nhóm chương trình nghiên cứu cơ bản; (3) Nhóm chương trình trọng điểm quốc gia; (4) Nhóm chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia; (5) Nhóm chương trình quốc gia đặc biệt; (6) Nhóm chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Việc tổ chức thành 06 nhóm quy định tại Quyết định này nhằm định hướng ưu tiên, tập trung nguồn lực, tăng cường liên thông, theo dõi, đánh giá và điều phối ở quy mô quốc gia; không làm phát sinh loại hình chương trình mới, cấp quản lý trung gian, hồ sơ hoặc thủ tục hành chính mới; không làm thay đổi thẩm quyền xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình đã được pháp luật quy định. Các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thuộc các nhóm được xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc phân định 06 nhóm chương trình được thực hiện theo các định hướng; mục tiêu, nội dung chính và kết quả dự kiến của từng nhóm là định hướng để xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả và xem xét phê duyệt chương trình mới thuộc nhóm:

1- Nhóm chương trình phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Mục tiêu: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật dùng chung nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển quốc gia.

Nội dung chính: Hỗ trợ phát triển nhân lực, nhóm nghiên cứu mạnh, tổ chức nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc và các mô hình xuất sắc gắn với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu; đầu tư, nâng cấp hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Kết quả dự kiến: Nhóm nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế; mạng lưới hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đầu tư đồng bộ, khai thác hiệu quả; hạ tầng dùng chung có hiệu suất cao, hoạt động hiệu quả.

2- Nhóm chương trình nghiên cứu cơ bản

Mục tiêu: Tạo ra tri thức mới, phát triển nền tảng khoa học quốc gia, cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách và tạo nền tảng cho phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược.

Nội dung chính: Thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng theo các ưu tiên quốc gia trong khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.

Kết quả dự kiến: Công bố khoa học uy tín, phát hiện khoa học mới, sách chuyên khảo, cơ sở dữ liệu khoa học, kiến nghị chính sách, nhân lực khoa học trình độ cao, tài sản trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu và kết quả có khả năng chuyển tiếp sang giai đoạn ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển công nghệ chiến lược.

3- Nhóm chương trình trọng điểm quốc gia

Mục tiêu: Tập trung nguồn lực giải quyết các bài toán khoa học và công nghệ lớn, liên ngành, liên lĩnh vực, có tác động quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quản trị quốc gia, văn hóa, xã hội, con người và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nội dung chính: Tổ chức các chương trình, cụm nhiệm vụ và nhiệm vụ liên ngành, liên lĩnh vực nhằm nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ, mô hình, giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý và giải pháp xã hội phục vụ giải quyết các bài toán trọng điểm quốc gia.

Kết quả dự kiến: Quy trình công nghệ; hệ thống giải pháp đồng bộ; sản phẩm trọng điểm; mô hình thí điểm; báo cáo tư vấn chính sách; bộ tiêu chí, bộ chỉ số; cơ sở dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn và công cụ quản lý được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn.

4- Nhóm chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia

Mục tiêu: Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua việc ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; xác lập, bảo hộ, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Nội dung chính: Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, tài sản trí tuệ, năng suất và chất lượng; hỗ trợ chuỗi hoạt động từ hoàn thiện, kiểm chứng, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ và đổi mới công nghệ đến phát triển sản phẩm, thương mại hóa và mở rộng thị trường; đồng thời phát triển hệ sinh thái, tổ chức trung gian và các điều kiện nền tảng phục vụ đổi mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, công nghệ chiến lược và các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Kết quả dự kiến: Công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hoàn thiện, kiểm chứng, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa; doanh nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng, làm chủ và đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được phát triển; tài sản trí tuệ được tạo lập, bảo hộ, quản lý, khai thác và thương mại hóa; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện nền tảng phục vụ đổi mới sáng tạo được phát triển, góp phần thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5- Nhóm chương trình quốc gia đặc biệt

Mục tiêu: Tập trung nguồn lực triển khai chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược. Chương trình quốc gia đặc biệt tập trung vào các mục tiêu có quy mô lớn, ý nghĩa đặc biệt đối với phát triển công nghệ chiến lược, nghiên cứu chiến lược và chính sách có giá trị lớn, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước, quốc phòng và an ninh; chương trình phát triển công nghệ chiến lược tập trung làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

Nội dung chính: Tổ chức các chương trình, nhiệm vụ quy mô lớn theo mục tiêu của chương trình quốc gia đặc biệt; đồng thời triển khai chuỗi nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các điều kiện kỹ thuật trực tiếp phục vụ làm chủ, ứng dụng, sản xuất và thương mại hóa công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược. Các chương trình thuộc nhóm được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính, quản lý đặc thù và quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật.

Kết quả dự kiến: Kết quả nghiên cứu chiến lược, chính sách có giá trị lớn được sử dụng; giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, quốc phòng và an ninh; công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược được làm chủ, ứng dụng, thương mại hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và điều kiện kỹ thuật phục vụ công nghệ, sản phẩm chiến lược được hoàn thiện; hình thành năng lực thiết kế, chế tạo, tích hợp, sản xuất trong nước và tài sản trí tuệ của Việt Nam.

6- Nhóm chương trình chuyển đổi số quốc gia

Mục tiêu: Tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng của Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, liên thông trên phạm vi quốc gia, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực quản trị quốc gia trên môi trường số.

Nội dung chính: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động chuyển đổi số, bao gồm nhiệm vụ liên ngành, liên vùng, do cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng thời kỳ, phù hợp với Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số. Kế hoạch chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương được xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện theo pháp luật về chuyển đổi số.

Kết quả dự kiến: Các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia được triển khai đồng bộ; tăng cường liên thông, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động trên môi trường số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn, an ninh trong chuyển đổi số.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN: "XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LỚN VỀ PHÁP LUẬT"

Ngày 08/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Quyết định số 1949/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật".

Mục tiêu tổng quát của Đề án là xây dựng Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật trở thành hạ tầng dữ liệu pháp luật quốc gia nhằm phục vụ tích hợp, chuẩn hóa, liên kết, phân tích và cung cấp dịch vụ dữ liệu pháp luật dùng chung, bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", áp dụng công nghệ hiện đại, làm nền tảng để xây dựng, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo chính xác, hiệu quả, góp phần đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, hướng tới xây dựng nền quản trị pháp luật thông minh. Thúc đẩy xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, góp phần đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Bảo đảm 100% dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật được biểu diễn dưới dạng tiêu chuẩn hỗ trợ máy đọc

Đề án phấn đấu năm 2027 rà soát, tái cấu trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, bảo đảm 100% dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật được biểu diễn dưới dạng tiêu chuẩn hỗ trợ máy đọc.

Số hoá 100% hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các văn bản được ban hành từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 (thời điểm Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành).

Năm 2028 - 2030, hoàn thành triển khai Kho dữ liệu pháp luật tập trung, bảo đảm tích hợp 100% các nguồn dữ liệu thành phần về pháp luật từ các bộ, cơ quan, địa phương; hình thành Đồ thị tri thức pháp luật quốc gia hỗ trợ các nhu cầu tìm kiếm, phân tích, khai thác thông minh và ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Đồng thời, phát triển các nền tảng, công cụ phục vụ tra cứu, khai thác, phân tích và sử dụng dữ liệu pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức tiếp cận, sử dụng thông tin pháp luật; góp phần giảm thời gian, chi phí tiếp cận thông tin, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thi hành và tuân thủ pháp luật.

Phạm vi dữ liệu

Phạm vi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật được xác định theo hướng tiếp cận hình thành hệ sinh thái dữ liệu về pháp luật, phục vụ quản lý, theo dõi và khai thác thông tin xuyên suốt "vòng đời" của văn bản quy phạm pháp luật từ khi xây dựng đến tổ chức thi hành. Ưu tiên tích hợp, hoàn thiện nhóm dữ liệu gốc từ các bộ, cơ quan, địa phương liên quan. Trên cơ sở đó, tiếp tục nghiên cứu, mở rộng phạm vi dữ liệu pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu khai thác, phân tích dữ liệu, phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm Đề án đặt ra là: 1- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu pháp luật; 2- Phát triển hạ tầng, nền tảng công nghệ và quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật; 3- Số hoá, tạo lập, tích hợp và chuẩn hoá dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật; 4- Phát triển nguồn nhân lực có năng lực, kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, quản trị và khai thác dữ liệu pháp luật; 5- Khai thác dữ liệu pháp luật thúc đẩy đổi mới, sáng tạo dịch vụ số; 6- Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu; 7- Kiểm soát rủi ro, ngăn chặn nguy cơ bị điều hướng, tác động chính sách; 8- Hợp tác quốc tế.

Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ của Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật theo định hướng "AI First"

Để phát triển hạ tầng, nền tảng công nghệ và quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, Đề án tiến hành xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và xây dựng nền tảng công nghệ cho Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật; quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu liệu lớn về pháp luật.

Cụ thể, hạ tầng của Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, ứng dụng các công nghệ hiện đại, bảo đảm lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu pháp luật trong phạm vi toàn quốc; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ pháp lý số.

Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ của Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật theo định hướng "AI First" (ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo), xây dựng hạ tầng dữ liệu và các nền tảng dùng chung phục vụ thu thập, lưu trữ, chuẩn hóa, tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu pháp luật thống nhất; đồng thời tạo nền tảng phục vụ tra cứu, phân tích, dự báo và hỗ trợ công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.

Tổ chức duy trì, vận hành Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, bảo đảm tính liên tục, liền mạch và an toàn dữ liệu.

Về số hoá, tạo lập, tích hợp và chuẩn hoá dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, Đề án rà soát, đánh giá, số hóa, làm sạch, chuẩn hóa, nâng cấp các cơ sở dữ liệu để tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật theo quy định.

Phục vụ phát triển các ứng dụng AI trong lĩnh vực pháp luật

Thực hiện số hóa hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (từ giai đoạn đăng ký xây dựng, soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra cho đến khi văn bản được ban hành). Trước mắt số hóa, chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các văn bản được ban hành kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2025 (thời điểm Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành). Đối với hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các văn bản được han hành trước ngày 30 tháng 4 năm 2025, thực hiện số hóa, chuẩn hóa theo yêu cầu, điều kiện của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Thu thập, tích hợp dữ liệu pháp luật theo phương thức phù hợp với từng nguồn dữ liệu, ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động thông qua các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan; thu thập thủ công dữ liệu do người dùng chủ động cung cấp.

Xây dựng Đồ thị tri thức pháp luật: Xây dựng, cập nhật, duy trì Đồ thị tri thức pháp luật là nền tảng tri thức phục vụ phân tích dữ liệu pháp luật, hỗ trợ cung cấp các dịch vụ tra cứu ngữ nghĩa và phục vụ phát triển các ứng dụng AI trong lĩnh vực pháp luật.

Khai thác dữ liệu pháp luật thúc đẩy đổi mới, sáng tạo dịch vụ số

Để khai thác dữ liệu pháp luật thúc đẩy đổi mới, sáng tạo dịch vụ số, Đề án phát triển Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật thành hạ tầng dữ liệu dùng chung và nguồn dữ liệu lõi phục vụ Cổng Pháp luật quốc gia và các hệ thống thông tin khác; tiến hành mở dữ liệu trong phạm vi phù hợp theo quy định, cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phục vụ yêu cầu tra cứu cơ bản, phổ biến giáo dục, tiếp cận pháp luật của cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp; kho tri thức, dữ liệu pháp luật được chuẩn hóa theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu cho các hệ thống thông tin, nền tảng số, đặc biệt các nền tảng AI dùng chung.

Nghiên cứu, rà soát cơ sở pháp lý, đánh giá tác động, đề xuất cơ chế thu phí khai thác Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật đối với tổ chức, doanh nghiệp phát triển các sản phẩm, dịch vụ thương mại nhằm bảo đảm kinh phí duy trì, vận hành, phát triển...

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ XỬ LÝ, KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ SAU SẮP XẾP

Ngày 07/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng ký Công điện số 68/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

Một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn chậm khai thác, xử lý nhà, đất dôi dư

Công điện nêu: Để thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ đã sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới nhiều văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, xử lý nhà, đất dôi dư; lãnh đạo Đảng, Chính phủ đã có nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện.

Trên cơ sở đó, các bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức triển khai thực hiện, góp phần bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền các cấp đi vào hoạt động theo mô hình mới sau khi sắp xếp, tinh gọn, không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ cho thấy, một số Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố đã rất tích cực trong việc xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư, nhiều cơ sở nhà, đất dôi dư đã được xử lý, đưa vào khai thác, còn số lượng ít (dưới 100) cơ sở nhà, đất dôi dư chưa hoàn thành khai thác, xử lý triệt để, như: Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang, Sơn La, Cao Bằng.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố còn chậm trong việc khai thác, xử lý nhà, đất dôi dư, còn số lượng lớn (trên 500) cơ sở nhà, đất dôi dư chưa hoàn thành khai thác, xử lý triệt để, gồm: Gia Lai, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Ninh Bình, Phú Thọ, Cần Thơ, Lâm Đồng, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Hưng Yên.

Xử lý ngay đối với các cơ sở nhà, đất không sử dụng quá 12 tháng

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư, bảo đảm hoàn thành xử lý, đưa vào khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư theo đúng yêu cầu tại Kế hoạch số 06-KH/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung thực hiện một số nội dung:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả sắp xếp, xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư thuộc phạm vi quản lý.

2. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực liên quan đến việc sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công và các cơ sở nhà, đất dôi dư, trong đó, lưu ý tập trung ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để phục vụ việc xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư, đẩy nhanh tiến độ tổ chức thực hiện khai thác, xử lý nhà, đất dôi dư theo quy định của pháp luật, khắc phục triệt để tình trạng nhà, đất bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng quy định, bảo đảm hoàn thành trong năm 2026.

Đặc biệt cần xử lý ngay đối với các cơ sở nhà, đất không sử dụng quá 12 tháng đã được cơ quan thanh tra chỉ ra. Không được đặt ra các yêu cầu, điều kiện, thủ tục xin ý kiến lòng vòng làm cản trở việc khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư.

Hướng dẫn xây dựng phương án khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tiếp nhận các cơ sở nhà, đất dôi dư đã có Quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo thời hạn quy định.

Trường hợp cơ sở nhà, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đầy đủ hoặc mất hồ sơ pháp lý về nhà, đất, chưa xử lý xong việc lấn chiếm, bố trí làm nhà ở, chưa xác định đầy đủ ranh giới trên thực địa thì tại Biên bản bàn giao, tiếp nhận ghi nhận cụ thể ranh giới, hiện trạng nhà, đất và xác nhận về hồ sơ, giấy tờ tại thời điểm bàn giao, tiếp nhận (không yêu cầu cơ quan, đơn vị có tài sản phải thuê đo vẽ lại hoặc hoàn thiện hồ sơ, giấy tờ trước khi bàn giao).

b) Phân công lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành có liên quan (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng,...) làm việc trực tiếp với từng xã, phường, đặc khu hoặc cụm xã, phường, đặc khu để:

- Đôn đốc, chỉ đạo việc quản lý, khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất đã giao cho xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác, xử lý.

- Hướng dẫn thực hiện xây dựng phương án khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư.

- Trực tiếp cho ý kiến đối với đề xuất phương án khai thác, xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư của các xã, phường, đặc khu bảo đảm theo đúng quy định, hiệu quả.

Xử lý nghiêm các trường hợp chây ỳ, đùn đẩy, nhũng nhiễu, trục lợi trong xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư

4. Rà soát để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của các cơ sở nhà, đất dôi dư; hoàn thành việc phê duyệt phương án xử lý, khai thác đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư chưa hoàn thành đưa vào khai thác, xử lý triệt để, trong đó phương án phải bảo đảm tính kịp thời và có thể sớm đưa nhà, đất dôi dư vào khai thác, xử lý, cơ sở nhà, đất nào đủ điều kiện thì trình, phê duyệt phương án và tổ chức xử lý, khai thác ngay.

5. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện quản lý, khai thác, xử lý nhà, đất dôi dư để kịp thời tháo gỡ, hướng dẫn thực hiện; xử lý nghiêm các trường hợp chây ỳ, đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm, gây khó dễ, những nhiễu, trục lợi trong xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư, kể cả phải xử lý về công tác cán bộ.

6. Xây dựng và đưa vào áp dụng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) đối với người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tiêu chí thực hiện công tác quản lý, khai thác, xử lý nhà, đất dôi dư.

7. Giao Bộ Tài chính thực hiện công khai tiến độ, kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức các đoàn công tác trực tiếp đôn đốc, hướng dẫn các địa phương còn nhiều cơ sở nhà, đất dôi dư chưa xử lý. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo việc cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư trên Phần mềm theo dõi, tổng hợp nhà, đất dôi dư để phục vụ việc công khai tiến độ và đôn đốc, chỉ đạo thực hiện của cấp có thẩm quyền.

Nguồn: vietnamplus.vn

CHUYỂN GIAO NGUYÊN TRẠNG 9 CƠ SỞ GIÁO DỤC TỪ BỘ VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đã ký các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao nguyên trạng 9 cơ sở giáo dục từ Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo về địa phương quản lý.

Cụ thể, tại Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Công nghệ Thực phẩm từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý.

Tại Quyết định số 1882/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng Trường Cao đẳng nghề Việt - Xô số 1 từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quản lý.

Tại Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quản lý.

Tại Quyết định số 1884/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển chuyển giao nguyên trạng Trường Cao đẳng Cơ giới Xây dựng từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quản lý.

Tại Quyết định số 1885/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau đây từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý, gồm: Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình đô thị, Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (4 cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

Tại Quyết định số 1888/QĐ-TTg ngày 30/9/2026, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao nguyên trạng Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2 từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai quản lý.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và 9 cơ sở giáo dục nêu trên rà soát, hoàn thiện hồ sơ, số liệu; tổ chức thực hiện bàn giao nguyên trạng các cơ sở giáo dục về các địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các địa phương và các Bộ: Nội vụ, Tài chính thực hiện điều chuyển biên chế viên chức, người lao động, bàn giao người học, tài chính, tài sản, trụ sở các cơ sở giáo dục để quản lý theo quy định của pháp luật; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí tài chính, tài sản trong quá trình chuyển giao.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Phú Thọ, Ninh Bình, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai tiếp nhận nguyên trạng các cơ sở giáo dục nêu trên để quản lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Bộ liên quan thực hiện việc tiếp nhận biên chế viên chức, tài chính, tài sản, trụ sở của các cơ sở giáo dục để quản lý theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các cơ sở giáo dục sau khi tiếp nhận tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại và bảo đảm tổ chức, hoạt động của các cơ sở giáo dục sau khi tiếp nhận theo quy định pháp luật; bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, không làm gián đoạn hoạt động đào tạo; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, viên chức, người lao động; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đất đai theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baochinhphu.vn

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP CÔNG VỤ 55%

Ngày 02/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà thay mặt Chính phủ ký ban hành Nghị định số 381/2026/NĐ-CP quy định phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở xã, phường, đặc khu.

Đối tượng áp dụng Nghị định này là cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở xã, phường, đặc khu (gọi tắt là cán bộ, công chức cấp xã).

Nghị định số 381/2026/NĐ-CP quy định mức phụ cấp công vụ như sau:

1- Mức phụ cấp công vụ bằng 55% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã không được hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về chi tiền lương, thu nhập tăng thêm.

2- Mức phụ cấp công vụ bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã được hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về chi tiền lương, thu nhập tăng thêm.

3- Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã tại khoản 2 ở trên được hưởng mức tiền lương, thu nhập tăng thêm thấp hơn mức phụ cấp công vụ 55% thì được hưởng chênh lệch cho bằng mức phụ cấp công vụ 55%.

Nguyên tắc áp dụng

Phụ cấp công vụ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Thời gian không được tính hưởng phụ cấp công vụ, bao gồm:

- Thời gian đi công tác, làm việc học tập ở nước ngoài được hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam.

Cán bộ, công chức cấp xã khi thôi làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở xã, phường, đặc khu thì thôi hưởng phụ cấp công vụ tại Nghị định này từ tháng tiếp theo.

Nghị định số 381/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 02/10/2026.

Chế độ phụ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01/7/2026 đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Cán bộ, công chức cấp xã áp dụng mức phụ cấp công vụ quy định tại khoản 1 và khoản 3 ở trên mà trong thời gian từ ngày 01/7/2026 đến khi Nghị định có hiệu lực thi hành đã hưởng mức phụ cấp công vụ thấp hơn mức phụ cấp công vụ 55% thì được hưởng chênh lệch cho bằng mức phụ cấp công vụ 55%.

Nghị định số 381/2026/NĐ-CP bãi bỏ các quy định liên quan về cán bộ, công chức cấp xã tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ.

Phương Nhung/Moha.gov.vn

SỬA ĐỔI ĐỀ ÁN CẢI THIỆN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA TỚI NĂM 2030

Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng ký Quyết định số 1919/QĐ-TTg ngày 02/10/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030.

Cụ thể, Quyết định số 1919/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 về mục tiêu và khoản 2 Điều 1 về giải pháp chủ yếu của Đề án.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 về mục tiêu của Đề án

"1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hoàn thiện, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo thuận lợi để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia lên mức đầu tư, góp phần giảm chi phí huy động vốn, giảm mức rủi ro tín dụng quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2030 đạt mức xếp hạng tín nhiệm từ Baa3 (đối với Moody's) hoặc BBB- (đối với S&P và Fitch) trở lên.

- Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế vĩ mô giai đoạn 2026 - 2030: Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân khoảng 40% GDP, trong đó đầu tư công chiếm 20 - 22%.

- Các chỉ tiêu về tài khóa: Kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước được Quốc hội phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm, bội chi ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 5% GDP, nợ công không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP.

- Các chỉ tiêu lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu các ngân hàng thương mại giai đoạn 2026 - 2030 tiệm cận chuẩn mực Basel III, muộn nhất đến năm 2030 đạt tỷ lệ an toàn vốn ở mức 8,625%; củng cố dự trữ ngoại hối nhà nước khi điều kiện thuận lợi.

- Các chỉ tiêu về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,8.

- Các chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 42%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tại các đô thị loại I trở lên được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt khoảng 70%; lượng phát thải khí nhà kính giảm 8 - 9%."

Sửa đổi, bổ sung điểm c, d, đ khoản 2 Điều 1 về các giải pháp chủ yếu của Đề án

Quyết định số 1919/QĐ-TT sửa đổi, bổ sung điểm c, d, đ khoản 2 Điều 1 về các giải pháp chủ yếu của Đề án như sau:

"c) Xây dựng nền tài chính công vững mạnh, mở rộng cơ sở thu bền vững để cải thiện các chỉ số nợ và thúc đẩy củng cố tài khóa.

- Việc điều hành chính sách tài khóa cần tiếp tục được thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt nhưng thận trọng, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế với mục tiêu duy trì ổn định tài khóa trong trung và dài hạn. Đảm bảo các chỉ tiêu bội chi ngân sách nhà nước; nợ công, nợ Chính phủ so với GDP theo các mục tiêu đã được Quốc hội phê duyệt.

- Chính sách tài khóa mở rộng áp dụng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, tạo lan tỏa lớn, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, tạo động lực tăng trưởng kinh tế dài hạn.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nợ công theo hướng kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng nợ công và tăng cường quản lý rủi ro danh mục nợ. Đồng thời, tăng cường quản lý các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn phát sinh từ bảo lãnh Chính phủ, các dự án đối tác công tư (PPP), doanh nghiệp nhà nước nhằm hạn chế rủi ro chuyển hóa thành nghĩa vụ của ngân sách nhà nước trong tương lai.

d) Cải thiện cơ cấu và chất lượng của khu vực ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước để giảm rủi ro nghĩa vụ nợ dự phòng đối với ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục củng cố an toàn hệ thống và hiện đại hóa quản trị hoạt động ngân hàng theo hướng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế (bao gồm Basel III) phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam.

- Nâng cao tính minh bạch, khả năng tiếp cận, tính kịp thời và chất lượng của các dữ liệu ngân hàng như dự trữ ngoại hối, cán cân thanh toán và các chỉ tiêu liên quan, phù hợp với lộ trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và các thông lệ quốc tế.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện nhiệm vụ "lập, theo dõi và phân tích trạng thái đầu tư quốc tế (IIP) của Việt Nam, làm cơ sở cung cấp thông tin cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc gia khi được yêu cầu.

- Điều hành tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

- Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, hoạt động ngân hàng theo hướng minh bạch, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Phối hợp chặt chẽ giữa thanh tra, giám sát và cấp phép để đảm bảo an toàn hệ thống.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển doanh nghiệp nhà nước tại Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước theo 04 nhóm giải pháp lớn: (i) tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; (ii) thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững; (iii) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp; (iv) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước và các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp nhà nước để đáp ứng tình hình mới và tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tế.

đ) Tăng cường hiệu quả, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, hợp tác với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và các tổ chức quốc tế.

- Lãnh đạo các bộ, ngành liên quan (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường...) chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý, bố trí trực tiếp chủ trì các buổi làm việc đánh giá xếp hạng tín nhiệm nhằm tăng cường tính thuyết phục, trực tiếp làm rõ và chia sẻ thông tin điều hành cốt lõi.

- Nâng cao chất lượng, tần suất thông tin, số liệu công bố trên trang thông tin điện tử của các bộ, ngành và tổ chức liên quan, làm nguồn khai thác thông tin chính thức phục vụ công tác xếp hạng tín nhiệm.

- Nâng cao tính chủ động, tích cực của các bộ, ngành, tổ chức được giao tham gia công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia trong việc tiếp xúc, trao đổi với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tích cực tham gia các Hội nghị ngành, tọa đàm, diễn đàn nhằm cởi mở, chủ động trong việc chia sẻ thông tin với các tổ chức quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm trong khuôn khổ đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia và các đoàn đánh giá chuyên đề."

Bổ sung giải pháp về ứng phó biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu trước các rủi ro bên ngoài

Ngoài việc sửa đổi các giải pháp chủ yếu nêu trên, Quyết định số 1919/QĐ-TTg cũng bổ sung thêm một số giải pháp thực hiện Đề án.

Cụ thể, bổ sung điểm e, g, h vào khoản 2 Điều 1 quy định về giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; nâng cao khả năng chống chịu trước các rủi ro bên ngoài thông qua đa dạng hóa thị trường, bảo đảm an ninh năng lượng; nghiên cứu từng bước tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào quản trị quốc gia nhằm đáp ứng tốt hơn xu hướng đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia như sau:

"e) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Đẩy mạnh quản trị rủi ro khí hậu dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng, dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái; chủ động di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân. Xây dựng các chính sách thúc đẩy mô hình phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp. Kiểm soát chặt chẽ phát thải khí nhà kính; xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật có xét đến yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu; từng bước xây dựng tiêu chuẩn tín chỉ các-bon và phương pháp tạo tín chỉ các-bon trong nước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các đô thị lớn, làng nghề; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Đồng thời, phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Tiếp tục triển khai trồng rừng, nâng cao chất lượng rừng gắn với bảo vệ rừng. Mở rộng phạm vi, đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; phát triển các mô hình nông lâm ngư kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng; phát triển các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị trong lâm nghiệp.

g) Nâng cao khả năng chống chịu trước các rủi ro bên ngoài thông qua đa dạng hóa thị trường, bảo đảm an ninh năng lượng

- Tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng và đối tác đầu tư nhằm giảm mức độ phụ thuộc vào một số thị trường lớn và tăng khả năng chống chịu trước các xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới. Chủ động theo dõi, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại, các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật thương mại quốc tế về môi trường, khí hậu đồng thời tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Tiếp tục củng cố an ninh năng lượng quốc gia, đa dạng hóa nguồn cung, phát triển hạ tầng năng lượng, nâng cao năng lực dự trữ, bảo đảm khả năng cung ứng ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, qua đó nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc về cung và giá năng lượng.

h) Nghiên cứu từng bước tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào quản trị quốc gia nhằm đáp ứng tốt hơn xu hướng đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về các mục tiêu, kết quả thực hiện các cam kết phát triển bền vững, biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu từng bước lồng ghép đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu, rủi ro môi trường vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách tài khóa, đầu tư công và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội."

Bộ Tài chính chủ trì tổ chức công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia

Ngoài ra, Quyết định số 1919/QĐ-TTg cũng sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 về phân công triển khai Đề án.

Theo đó, Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện Đề án vào năm 2030; chủ trì, phối hợp với các cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung Đề án khi cần thiết; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm quốc gia, tiếp nhận và xử lý các câu hỏi, đề nghị cung cấp thông tin liên quan từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức các hoạt động quảng bá tới nhà đầu tư, tổng hợp kết quả đánh giá báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, Bộ Tài chính chủ trì kiện toàn Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới hoạt động xếp hạng tín nhiệm quốc gia nhằm tăng cường công tác cải thiện hệ số tín nhiệm quốc gia; xây dựng kế hoạch triển khai, phối hợp công tác xếp hạng tín nhiệm giữa các cơ quan liên quan mà nòng cốt là Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động xếp hạng tín nhiệm quốc gia...

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Quyết định số 149/QĐ-UBQGAPEC2027 sửa đổi Điều 2 tại Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia APEC 2027 như sau:

1. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc, Chủ tịch,

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung, Phó Chủ tịch,

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân, Ủy viên,

4. Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Đặng Khánh Toàn, Ủy viên,

5. Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Vũ, Ủy viên, Chủ tịch các Quan chức cao cấp APEC, Trưởng Ban Thư ký Quốc gia, đồng Trưởng Tiểu ban Nội dung,

6. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Thượng tướng Nguyễn Trường Thắng, Ủy viên,

7. Thứ trưởng Bộ Công an Thượng tướng Phạm Thế Tùng, Ủy viên, Trưởng Tiểu ban An ninh và Y tế,

8. Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Thị Bích Ngọc, Ủy viên,

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng, Ủy viên,

10. Phó Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương Nguyễn Văn Phương, Ủy viên,

11. Thứ trưởng Thường trực Bộ Y tế Vũ Mạnh Hà, Ủy viên,

12. Thứ trưởng Bộ Công Thương Lương Hoàng Thái, Ủy viên, đồng Trưởng Tiểu ban Nội dung,

13. Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Phan Xuân Thủy, Ủy viên,

14. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng, Ủy viên, Trưởng Tiểu ban Tuyên truyền và Văn hóa,

15. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Ngô Lê Văn, Ủy viên, Trưởng Tiểu ban Lễ tân,

16. Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Nguyễn Hoàng Anh, Ủy viên,

17. Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Anh Tiến, Ủy viên, Trưởng Tiểu ban Vật chất và Hậu cần,

18. Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Đôn Tuấn Phong, Ủy viên,

19. Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng, Ủy viên,

20. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Anh Tuấn, Ủy viên,

21. Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hồ An Phong, Ủy viên,

22. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Đặng Ngọc Điệp, Ủy viên,

23. Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Quang Hưng, Ủy viên,

24. Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Cường, Ủy viên,

25. Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Nguyễn Quang Vinh, Ủy viên,

26. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Lộc Hà, Ủy viên,

27. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Đỗ Anh Tuấn, Ủy viên.

*** Thành phố Hồ Chí Minh**

- 4 cán bộ được điều động về Văn phòng Thành ủy để phân công công tác tại Ban Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: ông Hồ Nam, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; ông Nguyễn Văn Y, Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Thị Phương Ngọc, Phó Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; ông Phùng Kiên Giang, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Gò Vấp.

- Bà Nguyễn Thị Nhật Hằng, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, được bổ nhiệm làm Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đơn vị này sáp nhập Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đoàn Lý Tự Trọng.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn